

MỤC LỤC

Trang

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC BẢNG.....	v
DANH MỤC HÌNH.....	vi
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	vii
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH DỰ ÁN.....	1
II. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	2
2.1. Căn cứ Luật.....	2
2.2. Nghị định.....	3
2.3. Thông tư.....	3
2.4. Quy chuẩn, tiêu chuẩn.....	4
III. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA TRANG TRẠI.....	5
CHƯƠNG I.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1. Tên chủ Cơ sở: CÔNG TY TNHH MTV TM & SX CHĂN NUÔI TRUNG DŨNG.....	6
2. Tên Cơ sở: TRẠI CHĂN NUÔI GÀ ĐẼ TRỨNG, QUY MÔ 68.000 TRỨNG/NGÀY.....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Cơ sở.....	8
3.1. Công suất hoạt động của Cơ sở.....	8
3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở.....	9
3.3. Các hạng mục công trình của Cơ sở.....	12
3.4. Danh mục máy móc, thiết bị tại Cơ sở:.....	16
3.5. Sản phẩm của Cơ sở:.....	17
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở.....	17
4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu.....	17
4.2 Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng nước:.....	20
4.3. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng điện.....	23
4.4. Nhu cầu sử dụng lao động.....	23
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	23
5.1. Tiến độ thực hiện đầu tư của cơ sở.....	23
5.2. Vốn đầu tư cơ sở.....	23

Tổng vốn đầu tư của Trang trại: 17.800.000.000 đồng (mười bảy tỷ tám trăm triệu đồng)	23
5.5. Tóm tắt tình hình thực hiện các công trình bảo vệ môi trường tại Cơ sở	23
CHƯƠNG II	26
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG	26
CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	26
2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	26
2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	26
2.1. Đối với môi trường nước.....	26
2.2. Đối với môi trường không khí.....	27
CHƯƠNG III.....	28
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ.....	28
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	28
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	28
1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa.....	28
1.2. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải	29
1.3. Xử lý nước thải	30
2. Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải	34
2.1. Giảm thiểu mùi hôi, khí thải phát sinh từ dãy chuồng nuôi của trang trại	34
2.2. Giảm thiểu mùi hôi sinh ra từ kho cám	36
2.3. Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông và từ quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu.....	36
2.4. Giảm thiểu khí thải từ máy phát điện	37
2.5. Đối với khí thải từ quá trình tiêu hủy xác gà chết (không do dịch bệnh).....	37
2.6. Biện pháp giảm thiểu hơi hóa chất khử trùng.....	38
2.7. Biện pháp phòng ngừa giảm thiểu ruồi, muỗi	38
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	38
3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.....	38
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	39
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	41
5. Công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	43
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.	44
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	48
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	48

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp	55
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.....	56
CHƯƠNG IV	57
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	57
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	57
1.1 Nguồn phát sinh nước thải.....	57
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa.....	57
1.3. Dòng nước thải.....	57
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.....	57
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	58
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	59
2.1 Nguồn phát sinh và lưu lượng bụi, khí thải đề nghị cấp phép	59
2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa của các nguồn thải.....	59
2.3. Dòng khí thải.....	59
2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	59
2.4. Vị trí, phương thức xả khí thải và nguồn tiếp nhận khí thải	60
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	61
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép	61
3.3 Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	61
4. Nội dung đề nghị về quản lý chất thải rắn.....	62
4.1. Chung loại, khối lượng chất thải rắn phát sinh	62
4.2 Lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại	63
5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.....	65
CHƯƠNG V	66
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	66
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:	66
CHƯƠNG VI.....	68
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	68
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	68
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	68
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	68

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	68
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.....	69
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	69
CHƯƠNG VII	70
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	70
CHƯƠNG VIII.....	71
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN	71
PHỤ LỤC.....	73

DANH MỤC BẢNG

Trang

Bảng 1. 1: Hệ tọa độ VN 2000 ranh giới dự án.....	6
Bảng 1.2 Các hạng mục công trình chính của Trang trại.....	12
Bảng 1.3 Danh mục trang thiết bị	16
Bảng 1.4 Sản phẩm của Trang trại	17
Bảng 1.5 Nhu cầu gà giống	17
Bảng 1. 6 Nhu cầu vaccine, thuốc thú y phục vụ quá trình chăn nuôi trong một năm	18
Bảng 1. 7: Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y	18
Bảng 1. 8: Định mức về nhu cầu sử dụng vitamin cho gà	19
Bảng 1. 9: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước và phát sinh nước thải của trại	21
Bảng 1. 10. Tóm tắt các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường tại cơ sở	23
Bảng 3. 1: Bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật hệ thống thu gom và thoát nước mưa	28
Bảng 3. 1: Các hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	31
Bảng 3. 2: Hạng mục của hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi	33
Bảng 3. 3 : Danh mục hóa chất sử dụng.....	34
Bảng 3. 4: Khối lượng phân gà phát sinh trong 1 lứa nuôi	39
Bảng 3. 5 Khối lượng chất thải rắn chăn nuôi không nguy hại từ hoạt động của Trang trại.....	41
Bảng 3. 6 Khối lượng các loại CTNH phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của Trang trại.....	41
Bảng 3. 7 Các nội dung điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt	49
Bảng 3. 8: Chi tiết hạng mục trong HTXLNT điều chỉnh so với quyết định phê duyệt DTM.	53
Bảng 4. 1.Thông số và giá trị giới hạn chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của trại	57
Bảng 4. 2.Thông số và giá trị giới hạn chất ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi của trại.....	58
Bảng 4. 3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong dòng khí thải.....	60
Bảng 4. 4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong dòng khí thải	60
Bảng 4. 5. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh đề nghị cấp phép	62
Bảng 4. 6. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường	62
Bảng 4. 7. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh	63
Bảng 5. 1: Kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ năm 2022	66
Bảng 5. 2: Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2023	66
Bảng 6. 1: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	69

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1: Vị trí dự án trong khu vực.....	8
Hình 1. 2 Quy trình chăn nuôi gà đẻ trứng.....	10
Hình 3. 1 Sơ đồ thu gom nước mưa của Trang trại.....	28
Hình 3. 2: Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải.....	30
Hình 3. 3 Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt.....	30
Hình 3. 4: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	31
Hình 3. 5 Sơ đồ thu gom nước thải chăn nuôi của trại chăn nuôi.....	32
Hình 3. 6: Sơ đồ xử lý khí thải và mùi hôi trại chăn nuôi.....	35
Hình 3. 7: Hình ảnh minh họa hệ thống phun sương.....	35

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
BVMT	Bảo vệ môi trường
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
DO	Hàm lượng oxy hoà tan
GPMT	Giấy phép môi trường
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
KPH	Không phát hiện
MT	Môi trường
NĐ	Nghị định
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QĐ	Quyết định
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
STT	Số thứ tự
SX-TM-DV	Sản xuất – Thương mại–Dịch vụ
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
THC	Tổng hydrocacbon
TT	Thông tư
TTg	Thủ tướng
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
UBND	Ủy ban nhân dân

PHẦN MỞ ĐẦU

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH DỰ ÁN

Công ty TNHH MTV TM & SX Chăn nuôi Trung Dũng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3901210047 được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 15/9/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 03/4/2017.

Dự án Trại chăn nuôi gà đẻ trứng, quy mô 68.000 trứng/ngày do Công ty TNHH MTV TM & SX Chăn nuôi Trung Dũng làm chủ dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 319/QĐ-UBND, ngày 19/2/2016, với quy mô, diện tích như sau:

- Công suất:

+ Gà đẻ trứng 80.000 con/lứa (14 tháng/lứa), 04 dãy chuồng nuôi.

+ Trứng gà (sản phẩm chính): 68.000 trứng/ngày (tỷ lệ đẻ trứng trung bình là 85%);

+ Gà thịt (sản phẩm phụ), là gà đẻ trứng sau khi hết chu kỳ: 76.000 con/lứa (tỷ lệ gà chết là 5%)

- Diện tích đất sử dụng: 19.512 m²

- Vốn đầu tư: 17.800.000.000 đồng.

Căn cứ Phụ lục I của Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, dự án có tổng vốn đầu tư là 17.800.000.000 VNĐ (Mười bảy tỷ tám trăm triệu đồng) nên dự án thuộc nhóm C (dưới 45 tỷ đồng) theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

Căn cứ theo mục II số thứ tự 1.2.2 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 46/2022/NĐ-CP, ngày 13/07/2022 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. Theo đó, dự án có quy mô 68.000 trứng/ngày (gà đẻ trứng 80.000 con/lứa (14 tháng/lứa) tương đương với 288 đơn vị vật nuôi ((80.000 con x 1,8 kg)/500).

Căn cứ theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án được thuộc nhóm I, mục số 1 “*Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ ô nhiễm môi trường với công suất trung bình quy định tại Cột 4 Phụ lục II*”. Căn cứ Khoản 4, Điều 28 Tiêu chí về môi trường để phân loại Cơ sở, Dự án thuộc nhóm II.

Trên cơ sở các quy định trên, Công ty TNHH MTV TM & SX Chăn nuôi Trung Dũng tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho dự án “Trại chăn nuôi gà đẻ trứng, quy mô 68.000 trứng/ngày” theo mẫu báo cáo tại **Phụ lục X** ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

II. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

2.1. Căn cứ Luật

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/6/2001 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2001.
- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 10, thông qua ngày 03/12/2004.
- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2006.
- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21/11/2007.
- Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 ngày 17/6/2010 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17/06/2010;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 20/11/2012;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 21/6/2012.
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 22/11/2013;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/6/2014.
- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 15/6/2015.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch số 28/2018/QH14 ngày 15/07/2018 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 15/06/2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 20/11/2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Thú y số 97/2015/QH13 ngày 19/6/2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19/6/2015.
- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 19/11/2018.

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020.

- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.

2.2. Nghị định

- Nghị định số 14/2014/NĐ – CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.

- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Nghị định số 40/2020/NĐ – CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công: Dự án thuộc nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Nghị định số 45/2022/NĐ – CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

2.3. Thông tư

- Thông tư số 32/2017/TT – BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.

- Thông tư số 10/2021/TT – BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

- Thông tư số 01/2021/TT – BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

- Thông tư số 10/2021/TT – BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Thông tư số 17/2021/TT – BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

- Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.4. Quy chuẩn, tiêu chuẩn

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ;

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- QCVN 01-41:2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu vệ sinh khi tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật.

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 01-14:2010/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

- QCVN 07 – 2:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thoát nước.

- QCVN 07 – 5:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình cấp điện.

- QCVN 62-MT/2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- QCVN 02:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 18:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng.

- QCVN 06:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.

III. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA TRANG TRẠI

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3901210047 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 15/9/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 03/4/2017.

- Quyết định số 391/QĐ – UBND ngày 19/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trại chăn nuôi gà đẻ trứng, quy mô 68.000 trứng/ngày của Công ty TNHH MTV TM & SX Chăn nuôi Trung Dũng.

- Quyết định số 1870/QĐ-STNMT, ngày 30/3/2020 về việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH MTV Thương mại – sản xuất – Chăn nuôi Trung Dũng;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS00945.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS02870.

- Giấy phép xây dựng số 47/GPXD-UBND ngày 29/12/2015 do UBND huyện Bến Cầu cấp;

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

- Các văn bản pháp lý khác.

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ Cơ sở: CÔNG TY TNHH MTV TM & SX CHĂN NUÔI TRUNG DŨNG

– Địa chỉ văn phòng: Số 278, Nguyễn Văn Rốp, khu phố 5, phường 4, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

– Người đại diện theo pháp luật chủ cơ sở: Ông **NGUYỄN HOÀNG TRUNG**

– Chức vụ: Giám đốc

– Điện thoại: 0976959999

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3901210047 được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 15/9/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 03/4/2017.

2. Tên Cơ sở: TRẠI CHĂN NUÔI GÀ ĐẼ TRÚNG, QUY MÔ 68.000 TRÚNG/NGÀY

2.1. Địa điểm thực hiện Cơ sở:

Dự án “Trang trại chăn nuôi gà đẻ trứng, quy mô 68.000 trứng/ngày” được bố trí trên thửa đất số 56, 62 và 82 tờ bản đồ số 2, số vào sổ cấp GCN: CS 00945 cấp ngày 04/9/2015 và GCN: CS02870, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 30/03/2020 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Thương mại & Sản xuất Chăn nuôi Trung Dũng tại ấp Phước Tây, xã Long Phước, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Tổng diện tích đất của trại là **19.512** m² theo:

- + Vị trí khu đất có hướng tiếp giáp như sau:
 - Phía Bắc : đất trồng cao su của ông Hải.
 - Phía Nam : giáp đường đất đỏ.
 - Phía Đông : giáp đất trồng cây cao su ông Triệu;
 - Phía Tây : giáp đất trồng cao su Ông Hùng.
- + Tọa độ tại vị trí ranh giới dự án như sau:

Bảng 1. 1: Hệ tọa độ VN 2000 ranh giới dự án

Vị trí	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105 ⁰ 30, múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
Vị trí 1	1252 029	0643 726
Vị trí 2	1252 123	0643 745
Vị trí 3	1252 234	0643 813
Vị trí 4	1252 512	643

2.2 Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường, cụ thể là: vị trí Dự án không thực hiện trong khu dân cư tập trung; không xả nước thải vào nguồn nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; không sử dụng đất của: khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản, các loại rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác; không có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên, vùng đất ngập nước quan trọng; không có yêu cầu di dân, tái định cư.

– Các đối tượng tự nhiên

+ Hệ thống sông, suối, kênh rạch: xung quanh khu vực dự án không có ao, hồ, rạch. Cách kênh T2 khoảng 550m theo hướng Bắc.

+ Hệ động, thực vật: khu vực dự án chủ yếu là vườn cao su, cóc, nhái, ... Nhìn chung, hệ động thực vật tại khu vực dự án không đa dạng và phong phú.

+ Nguồn tiếp nhận nước mưa: nước mưa từ mái được thu gom bằng hệ thống thu gom, sau đó dẫn về ao chứa nước mưa của trang trại để tận dụng cho các hoạt động của trang trại vào mùa khô. Nước mưa rơi tự do trên mặt đất sẽ chảy tràn tự nhiên theo độ dốc của mặt bằng trại, một phần tự thấm vào đất, một phần theo mương thoát nước thoát về ao chứa nước mưa trong khuôn viên trại.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: nước thải sau khi được xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT sẽ được lưu chứa tại mương sinh học trong khuôn viên trại và tự bốc hơi, không thải ra môi trường.

– Các đối tượng kinh tế - xã hội

• Đối tượng dân cư:

+ Dự án nằm xa khu vực dân cư, xung quanh không có nhà dân. Nhà dân gần nhất cách dự án khoảng 250m.

+ Xung quanh là đất trồng cây cao su.

• Đối tượng kinh tế - xã hội:

+ Dự án cách chốt dân quân tự vệ Bà Nặng khoảng 75m.

+ Dự án cách Trại heo Ninh Điền khoảng 1km.

+ Dự án cách khu tưởng niệm Liệt Sĩ Thanh Niên xung phong khoảng 3km.

+ Dự án cách nhà văn hóa ấp Phước Trung khoảng 4,5 km

+ Dự án cách UBND xã Long Phước khoảng 6 km

- Hệ thống đường giao thông: dự án giáp đường đất 6m thuận lợi việc đi lại khu dự án.



Hình 1. 1: Vị trí dự án trong khu vực

1.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

– Giấy phép xây dựng số 47/GPXD, ngày 29/12/2015 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu cấp cho Công ty TNHH MTV TM & SX Chăn nuôi Trung Dũng.

1.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

– Quyết định số 391/QĐ – UBND ngày 19/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trại chăn nuôi gà đẻ trứng, quy mô 68.000 trứng/ngày của Công ty TNHH MTV TM & SX Chăn nuôi Trung Dũng.

1.4. Quy mô của Cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về luật đầu tư công):

Căn cứ Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 06 tháng 04 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công, dự án có tổng vốn đầu tư là 17.800.000.000 VNĐ (Mười bảy tỷ tám trăm triệu đồng) thì dự án thuộc nhóm C (dưới 45 tỷ đồng) theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của Cơ sở

Căn cứ theo Quyết định số 391/QĐ – UBND ngày 19/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trại chăn nuôi gà đẻ

trứng, quy mô 68.000 trứng/ngày của Công ty TNHH MTV TM & SX Chăn nuôi Trung Dũng, quy mô xin cấp phép của Trại được trình bày cụ thể như sau:

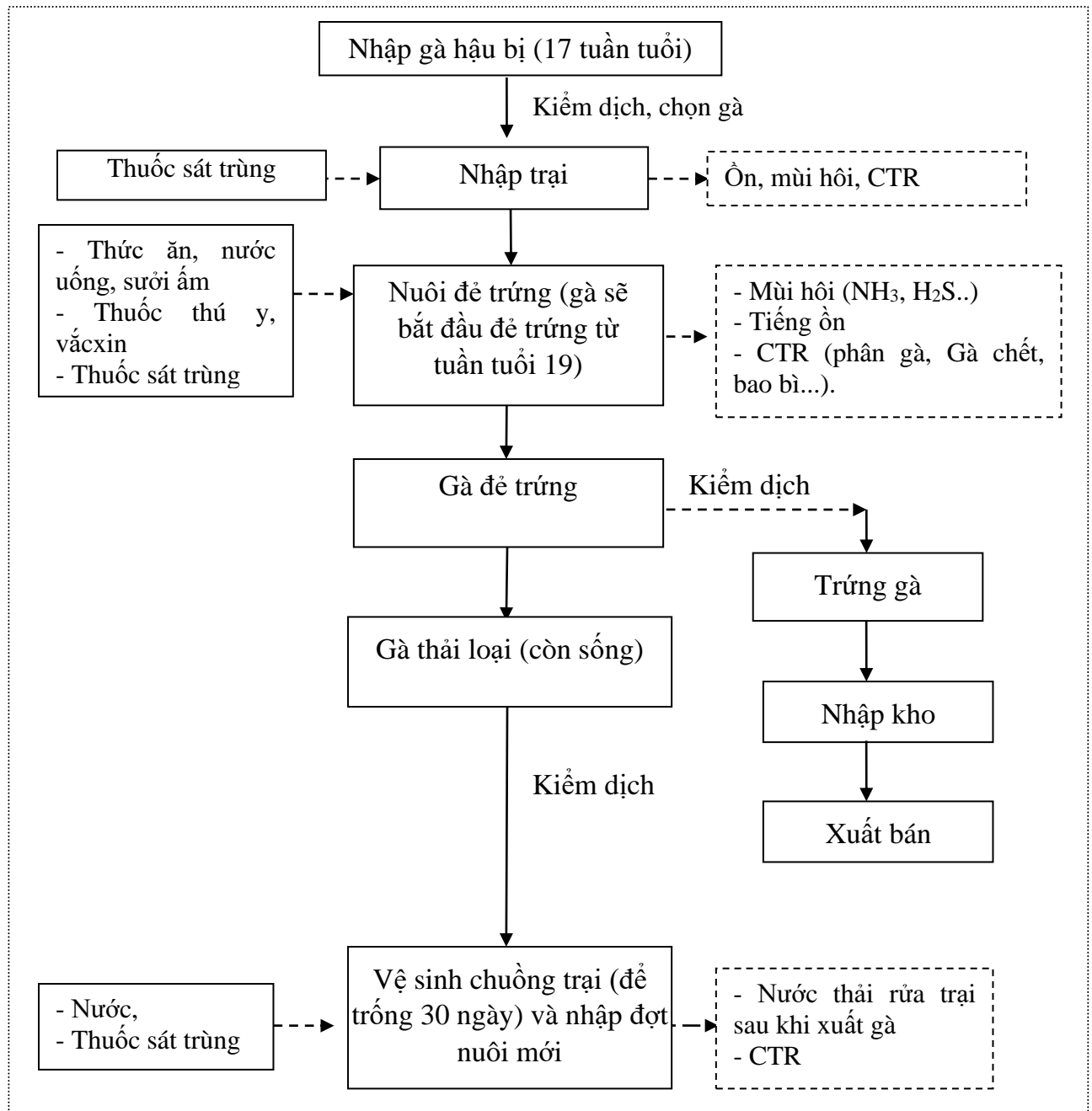
- Gà đẻ trứng 80.000 con/lứa (14 tháng/lứa), 04 dãy chuồng nuôi.
- Trứng gà (sản phẩm chính): 68.000 trứng/ngày (tỷ lệ đẻ trứng trung bình là 85%);
- Gà thịt (sản phẩm phụ), là gà đẻ trứng sau khi hết chu kỳ: 76.000 con/lứa (tỷ lệ gà chết là 5%).

3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở

a) Quy trình hoạt động của dự án

Trại chăn nuôi gà đẻ trứng có quy mô 04 dãy trại với tổng số lượng khoảng 80.000 con/lứa (14 tháng/lứa) cho ra 68.000 trứng/ngày và gà thịt (khi hết chu kỳ) là 76.000 con/lứa.

❖ Quy trình chăn nuôi gà đẻ trứng



Hình 1. 2 Quy trình chăn nuôi gà đẻ trứng

Mô tả quy trình công nghệ:

Quy trình chăn nuôi gà được thực hiện hoàn toàn tự động từ khâu cho ăn đến lấy trứng, lấy phân. Quy trình chăn nuôi được thực hiện theo công nghệ trại lạnh, nhiệt độ trong chuồng duy trì ở mức 20-25°C, quá trình điều chỉnh nhiệt độ được thiết kế chế độ chạy tự động theo dải nhiệt độ đã cài đặt theo nhiệt độ môi trường.

Gà hậu bị nhập về từ 17 tuần tuổi được kiểm dịch, lựa chọn trước khi được đưa về chăn nuôi do Công ty TNHH Ba Huân cung cấp. Gà sẽ bắt đầu đẻ trứng ở tuần tuổi 19, tỉ lệ đẻ tăng dần và đạt đỉnh cao (85%-90%) ở tuần tuổi 36. Hằng ngày, công nhân thu gom lượm trứng đem về nhà phân loại trứng và đưa trứng vào vỉ rồi nhập kho, đủ số lượng trứng sẽ xuất trứng cho Công ty TNHH Ba Huân để làm sạch phân loại và bán ra thị trường.

Quy trình chủng ngừa vắc-xin cho gà được thực hiện theo hướng dẫn của Công ty TNHH Ba Huân.

Đến tuần tuổi 35, dự án sẽ liên hệ với cơ quan thú y địa phương lấy máu cho đàn gà để xét nghiệm hiệu giá kháng thể kháng của vi-rút cúm A/H5N1. Nếu kết quả chưa đạt tỷ lệ bảo hộ (<70%) thì chủng ngừa lại vắc-xin cúm A/H5N1 và xét nghiệm lại sau 30 ngày chủng ngừa loại vắc-xin này.

Dự án đảm bảo nguồn thức ăn, nước uống đầy đủ; bổ sung các loại đa khoáng, vi khoáng, men tiêu hóa.(VD: Acid- pak 4 way của Alltech Hoa kỳ, Nutrilaczym của R.E.P).

Định kỳ 21 ngày, bổ sung tỏi, nghệ tươi xay nhuyễn rãi lên bề mặt máng ăn (không trộn lẫn với thức ăn) và chỉ ăn 1 lần duy nhất trong ngày, liên tiếp 3 ngày để thay thế kháng sinh, định kỳ để phòng ngừa bệnh hô hấp trên gà để liều lượng tùy theo thể trọng của gà, 4g/ kg thức ăn.

Thường xuyên vệ sinh máng ăn và núm uống, duy trì hệ thống thông gió hoạt động hiệu quả để đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm phù hợp dễ chịu cho đàn gà.

Đàn gà được theo dõi sức khỏe hàng ngày, nếu có dấu hiệu bất thường thì dự án khai báo với cơ quan thú y địa phương để được tư vấn, hỗ trợ.

Phân gà tươi từ trong băng tải chứa phân lắp ráp theo tầng gà ở (phân gà không nằm trên nền chuồng gà), phân gà sẽ được xử lý giảm bớt ẩm độ dưới 75% thông qua việc gà uống men tiêu hóa hàng ngày. Hàng ngày (mỗi ngày một lần) công nhân sẽ vận hành băng chuyền tải tự động cuốn phân ra ngoài để đưa vào xe bồn kín chuyên dụng.

Tại đây phân gà được bơm vào phễu đưa vào hệ thống nghiền, tách nước, ủ nhiệt từ lượng nước được tách ra, hệ thống sử dụng bơm hơi hút khí từ bên ngoài vào tạo thêm nhiệt, từ lớp phân gà sẽ sinh ra hiếu khí và làm khô phân gà trong hệ thống chứa, chúng có thể giải phóng nhiệt lượng lớn để tăng nhiệt độ bên trong bể. Nhiệt độ trong giai đoạn này là 45°C - 70°C, quá trình lên men có thể thúc đẩy hơn nữa quá trình sinh sản và trao đổi chất của vi sinh vật. Khi nó hơn 60°C, chất phân, vi khuẩn có hại và mầm bệnh trong cơ thể, trứng ký sinh và các chất có hại khác sẽ bị tiêu diệt. Đồng thời, nhiệt độ sinh tồn, độ ẩm và pH của vi khuẩn có lợi sẽ đạt đến giá trị cân bằng, để đáp ứng điều kiện sống sót của vi khuẩn có lợi.

Phân gà sau khi khô sẽ được chuyên tải ra khu vực đóng bao loại 25kg và bán cho hộ dân lân cận làm phân bón.

Gà đến 65 tuần tuổi sẽ bắt đầu cho ra gà thải loại (còn sống) theo từng đợt. Trước khi xuất bán, gà sẽ được cho ngừng cho ăn 6-10 giờ và khai báo với Chi cục Chăn nuôi và Thú y để kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật ra ngoài tỉnh.

Sau khi gà xuất trại, phân gà cùng trâu lót sẽ được xử lý các mầm bệnh bằng chế phẩm sinh học. Sau đó, được thu gom đóng bao loại 50kg và bán cho đơn vị có nhu cầu làm phân bón thu mua ngay tại chuồng. Trường hợp bán không kịp, công nhân sẽ thu gom vận chuyển vào nhà sấy, chứa phân gà, để bán cho các đơn vị có nhu cầu và tiếp tục phun chế phẩm sinh học khử mùi hằng ngày. Sau khi thu gom, phân gà còn sót trong trại nuôi sẽ được rửa sạch, mỗi lứa nuôi trang trại sẽ xuất gà trong 12 ngày (1 ngày xuất 1 trại). Trại nuôi sẽ được dọn dẹp

sạch sẽ, nền trại được phun khử trùng toàn bộ khu vực nuôi bằng dung dịch formol 2%. Sau đó trại nuôi sẽ được để trống khoảng 30 ngày để chờ nuôi đợt tiếp theo.

Trong quá trình chăn nuôi, tại dự án sẽ làm phát sinh số lượng lớn chất thải rắn là (chủ yếu là phân gà)

3.3. Các hạng mục công trình của Cơ sở

Trại chăn nuôi tọa lạc trên địa bàn ấp Phước Tây, xã Long Phước, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh với tổng diện tích khu đất thực hiện xây dựng Trại nuôi, các hạng mục công trình phụ trợ, công trình bảo vệ môi trường, cây xanh, sân đường nội bộ,... là 19.512 m².

Sau khi được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 391/QĐ – UBND ngày 19/02/2016. Trại đã thực hiện xây dựng các hạng mục công trình theo đúng nội dung đã được duyệt. Tuy nhiên, để đảm bảo cho hoạt động chăn nuôi của Trại đạt chất lượng, trong quá trình triển khai xây dựng chủ Trại đã thực hiện xây dựng một số hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ có diện tích thay đổi so với diện tích đã được phê duyệt tại báo cáo đánh giá tác động môi trường. Việc thực hiện xây dựng bổ sung và thay đổi diện tích một số hạng mục công trình chỉ nhằm đảm bảo chất lượng trong chăn nuôi và không tăng quy mô đàn chăn nuôi cũng như không thay đổi công nghệ chăn nuôi đã được duyệt tại Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Cụ thể thay đổi như sau:

- Thực hiện xây dựng các dãy chuồng chăn nuôi gà chính (04 dãy chuồng nuôi) với diện tích 5600 m² tăng 6.997,6 m² so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt (1.397,6 m²).

- Thực hiện xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường có tổng diện tích là 262 m² tăng 2345,75 m² so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt (2.083,8 m²). Diện tích tăng do bổ sung thêm các hạng mục khu sấy, chứa phân gà, lò đốt xác gà chết (không do dịch bệnh), kho chất thải nguy hại, buồng xử lý khí thải, ao chứa nước mưa và tăng diện tích khu xử lý nước thải.

Trại đã hoàn thành thực hiện xây dựng các hạng mục công trình phục vụ chăn nuôi và đã được UBND huyện Bến Cầu cấp Giấy phép Xây dựng số 47/GPXD ngày 29/12/2015. Các hạng mục công trình phục vụ chăn nuôi của Trại được thể hiện như sau:

Bảng 1.2 Các hạng mục công trình chính của Trang trại

STT	Hạng mục công trình	Hạng mục xây dựng theo Quyết định phê duyệt ĐTM (m ²)	Hạng mục xây dựng thực tế theo Giấy phép xây dựng				Diện tích thay đổi so với Quyết định phê duyệt ĐTM (m ²)
			Số lượng	Kích thước (m)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
I	Các hạng mục chính						
1	Dãy chuồng nuôi	5.600	04	14,4 x 121,5	6.997,6	35,86	Tăng 1.397,6 m ²
2	Kho cám gà	250	02	12 x 5	120	0,62	Giảm 130,0
II	Các hạng mục phụ trợ						
1	Hồ sát trùng xe	50	01	5 x 10	50	0,26	Không thay đổi
2	Nhà sát trùng người	-	01	2 x 3	6	0,03	Tăng 6,0
3	Văn phòng (nhà văn phòng)	60	01	11,2 x 4	44,8	0,23	Giảm 15,2
4	Nhà ở công nhân	60	05	2,8 x 4	56	0,29	Giảm 4
5	Nhà ăn, bếp ăn	-	01	9 x 12	108	0,55	Tăng 108,0
6	Nhà đặt máy phát điện	30	01	5 x 6	30	0,15	Không thay đổi
7	Kho chứa thuốc thú y		01	4 x 4	16	0,08	Tăng 16,0
8	Kho vật tư, thiết bị		01	4 x 5	20	0,10	Tăng 20,0
9	Kho giấy đựng trứng		01	5 x 4	20	0,10	Tăng 20,0
10	Kho tập trung trứng gà	50	01			0,06	Giảm 50

STT	Hạng mục công trình	Hạng mục xây dựng theo Quyết định phê duyệt ĐTM (m ²)	Hạng mục xây dựng thực tế theo Giấy phép xây dựng				
			Số lượng	Kích thước (m)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích thay đổi so với Quyết định phê duyệt ĐTM (m ²)
11	Bể chứa nước sạch cho gà uống	-	01	2,5 m x 5m x 2m	12,5	0,06	Tăng 12,5
12	Nhà vệ sinh		01	2 x 4	8	0,04	Tăng 8
13	Nhà xe	-	01	15 x 5	75	0,38	Tăng 75
III	Các hạng mục bảo vệ môi trường	262			2.220,95		
1	Khu xử lý nước thải	50					
2	Hầm biogas 1		1	50 x 15 x 3	750	3,84	
3	Hầm biogas 2		1	20 x 13 x 3	260	1,33	
4	Mương sinh học xử lý nước thải số 01		1	15 x 12 x 3	180	0,92	
5	Bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt		1	3,5 x 2,5 x 1,4	8,75	0,04	
6	Mương sinh học xử lý nước thải số 02		1	10 x 5 x 3	50	0,26	
7	Lò đốt xác gà chết (không do dịch bệnh)		1	1,2 x 1	1,2	0,01	Tăng 1,2
8	Nhà sấy, chứa phân gà	-	1	20 x 24	480	2,46	Tăng 480,0
9	Khu đất dự phòng xử lý chôn lấp gà chết do dịch bệnh	212	1	5 x 5	25	0,13	Giảm 187,0
10	Kho chứa chất thải nguy hại	-	1	2 x 3	6	0,03	Tăng 6,0

STT	Hạng mục công trình	Hạng mục xây dựng theo Quyết định phê duyệt ĐTM (m ²)	Hạng mục xây dựng thực tế theo Giấy phép xây dựng				
			Số lượng	Kích thước (m)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích thay đổi so với Quyết định phê duyệt ĐTM (m ²)
11	Buồng xử lý khí thải chuồng nuôi	-	4	5 x 14	280	1,44	Tăng 280,0
12	Ao chứa nước mưa	-	1	12 x 15 x 3	180	0,92	Tăng 180
IV	Cây xanh	3.900	--	--	3.900	20	
V	Đường nội bộ, sân bãi	1.000	--	--	5.827,5	29,87	Tăng 4.827,5
	Tổng				19.512	100,00	

Nguồn: Công ty TNHH MTV TM & SX Chăn nuôi Trung Dũng

3.3.1. Các hạng mục công trình chính

- Dãy chuồng nuôi gà và kho cám:

+ Tổng diện tích chuồng nuôi: 6.997,6 m², bao gồm 04 dãy chuồng nuôi, diện tích mỗi dãy chuồng 1.749,4 m² có sức chứa 20.000 con/chuồng, như vậy mật độ chăn nuôi khoảng 13 - 14 con/m². Khoảng cách giữa 02 chuồng là 5,0m.

+ Đầu tư 01 kho cám gà ăn, với diện tích là 108m². Bên trong, mỗi chuồng bố trí 01 hệ thống máng ăn tự động, 01 máng uống tự động. Mặt bên bố trí 01 hệ thống làm mát. Chiều cao đến đỉnh mái là 5,0m. Mái lợp tole, hệ kèo là khung sắt, tường xây gạch bao che dày 20cm. Nền trại bê tông có độ dốc 3%, rãnh thoát nước tạo độ dốc 2%. Cuối mỗi dãy chuồng bố trí 11 quạt hút, tổng cộng 44 quạt hút mùi cho 04 dãy chuồng.

3.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của Trang trại

- Hồ sát trùng xe: diện tích 24m², thực hiện công tác sát trùng xe và người ra vào trại chăn nuôi với kết cấu nền bê tông cốt thép.

- Nhà sát trùng người: diện tích 6m², thực hiện công tác sát trùng người ra vào trại chăn nuôi với kết cấu nền bê tông cốt thép, cột kèo thép, tường gạch, quét vôi bên ngoài, mái tôn.

- Nhà ở công nhân: Kết cấu nền bê tông, lát gạch men, cột bê tông cốt thép, tường xây bằng gạch được tô 2 mặt quét sơn nước và ốp gạch len tường, hiên nhà rộng 0,8 m lán vữa xi măng, mái nhà được vì kèo sắt và lợp tôn.

- Văn phòng (nhà văn phòng): diện tích 44,8m², nền lát gạch chống trơn, cột kèo thép, tường gạch, tường trong và ngoài sơn nước, mái tôn.

- Nhà máy phát điện dự phòng: diện tích 30m² nền lát gạch, cột kèo thép, tường gạch, mái tôn.

- Kho vật tư, thiết bị: diện tích 20 m², nền lát gạch, tường gạch, kết cấu khung thép, mái lợp tôn, chứa hóa chất chủ yếu là thuốc sát trùng Omicide và vôi bột từ quá trình hoạt động.

- Kho giấy đưng trứng gà: diện tích 20 m², nền lát gạch, tường gạch, kết cấu khung thép, mái lợp tôn, chứa khay giấy chủ yếu là đưng trứng gà để được thu gom từ các dãy chuồng nuôi.

- Khu cấp nước: Nước được sử dụng cấp cho dự án được lấy từ 03 giếng khoan. Nước từ giếng khoan được đưa lên 02 bồn chứa 5 m³ và bể chứa sau đó dẫn về các thiết bị sử dụng nước cho chăn nuôi và sinh hoạt.

- Hàng rào được thiết kế kết cấu móng bê tông cốt thép, đà kiềng, cột bê tông cốt thép đổ tại chỗ, tường xây gạch, đỉnh rào giăng kẽm gai.

3.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Kho chứa chất thải nguy hại: diện tích 6 m², nền lát gạch, tường gạch, kết cấu khung thép, mái lợp tôn chứa chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động.

- Lò đốt xác gà chết không do dịch bệnh: số lượng 01 lò, diện tích 1,2 m² xây dựng tường gạch đáy hồ bê tông, có nắp đan đáy kín được đặt cách xa khu nhà ở công nhân, phía cuối trại.

- Công trình xử lý nước thải chăn nuôi: diện tích 1.240 m² (bao gồm 02 hầm biogas và 02 mương sinh học), được xây dựng dạng hầm chìm, vật liệu xây dựng tường gạch đáy bê tông, xử lý lượng nước thải phát sinh tại trang trại.

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: diện tích 8,75 m² (bao gồm 01 bể tự hoại 10,5 m³ và 01 mương sinh học), được xây dựng dạng hầm chìm, vật liệu xây dựng tường gạch đáy bê tông, xử lý lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

- Buồng xử lý khí thải: diện tích là 280 m² (bao gồm 04 buồng), cấu tạo của buồng thu gom khí thải, mùi hôi được thiết kế khung sắt, các vách được phủ bằng tôn bao quanh. Phía trên buồng được thiết kế hệ thống phun sương.

- Ao chứa nước mưa: 01 ao diện tích 180 m², thu gom nước mưa toàn bộ trang trại.

- Khu vực đất dự phòng chôn gà chết do dịch bệnh: diện tích đất dự phòng khoảng 25 m² được bố trí phòng ngừa trường hợp dịch bệnh lây lan, tiêu hủy gà tại trang trại.

3.4. Danh mục máy móc, thiết bị tại Cơ sở:

Bảng 1.3 Danh mục trang thiết bị

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Xuất xứ	Số lượng	Tình trạng
-----	--------------	--------	---------	----------	------------

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Xuất xứ	Số lượng	Tình trạng
1.	Quạt hút	Cái	Thái Lan	44	Hoạt động tốt
2.	Hệ thống làm mát	Hệ thống	Thái Lan	08	
3.	Máng ăn tự động, đường dẫn thức ăn	Bộ	Việt Nam	04	
4.	Máng uống, đường dẫn nước	Bộ	Việt Nam	20	
5.	Bộ pha thuốc	Bộ	Đài Loan	04	
6.	Máy bơm nước	Cái	Việt Nam	02	
7.	Máy phun thuốc sát trùng	Cái	Đài Loan	01	
8.	Máy nén khí	cái	Đài Loan	01	
9.	Quạt cấp khí nén	Cái	Đài Loan	16	
10.	Máy phát điện dự phòng sử dụng dầu DO (công suất 200KVA)	Cái	Nhật	02	
11.	Hệ thống băng tải phân gà	Hệ thống	Việt Nam	04	
12.	Máy xử lý phân gà (công suất 5-6 tấn/ngày)	máy	Đài Loan	01	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV TM & SX Chăn nuôi Trung Dũng)

3.5. Sản phẩm của Cơ sở:

Sản phẩm của Trang trại là trứng gà với quy mô 68.000 trứng/ngày. Các loại sản phẩm được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.4 Sản phẩm của Trang trại

TT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô
1	Trứng gà (sản phẩm chính)	68.000 (trứng/ngày)
2	Gà thịt (sản phẩm phụ), gà đẻ trứng sau khi hết chu kỳ (tỷ lệ gà chết là 5%)	76.000 (con/năm)

(Nguồn: Công ty TNHH MTV TM & SX Chăn nuôi Trung Dũng, 2024)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở

4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu

a. Nhu cầu về con giống

Bảng 1.5 Nhu cầu gà giống

Stt	Nguyên liệu, nhiên liệu	ĐVT	Số lượng	Nguồn cung cấp
1	Gà hậu bị (17 tuần tuổi)	Con/lứa	80.000	Công ty TNHH Ba Huân

b. Nhu cầu về hóa chất, vắc xin, thuốc thú y, vitamin:

- Nhu cầu vắc xin, thuốc thú y: Thuốc thú y, vắc xin trong chăn nuôi có một vai trò hết sức quan trọng để đảm bảo an toàn cho con giống. Toàn bộ lượng thú y, vắc xin, vitamin,...cho con giống được Công ty Cổ phần Emivest Feedmill Việt Nam cung cấp. Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y tại trại cụ thể như sau:

Bảng 1. 6 Nhu cầu vaccine, thuốc thú y phục vụ quá trình chăn nuôi trong một năm

STT	Tên thuốc	Định mức	Khối lượng
1	Newcastle	1 liều/con	80.000 liều
2	Gumboro	1 liều/con	80.000 liều
3	Cúm H5N1	1 liều/con	80.000 liều
4	Tụ huyết trùng gà	1 liều/con	80.000 liều
5	Đậu gà	1 liều/con	80.000 liều

Nguồn: Công ty TNHH MTV TM & SX chăn nuôi Trung Dũng, 2024

Bảng 1. 7: Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y

Ngày tuổi	Loại vắc xin	Cách sử dụng	Mục đích sử dụng
Ngày 1 - 2	Newcastle chủng F (lần 1)	Nhỏ mắt, mũi hoặc phun	Phòng bệnh gà rù Newcastle
Ngày 3	Gumboro (lần 1)	Cho uống từng con	Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro
Ngày 7	Đậu gà	Chung màng cánh	Phòng bệnh đậu gà
Ngày 10	Gumboro (lần 2)	Cho uống trực tiếp hoặc pha vào nước uống	Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro
Ngày 15	Cúm H5N1	Tiêm	Phòng bệnh cúm gia cầm
Ngày 20	Tụ huyết trùng	Tiêm	Phòng bệnh tụ huyết trùng
Ngày 25	Gumboro (lần 3)	Pha nước uống	Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro
Ngày 28	Newcastle chủng F (lần 2)	Nhỏ mắt, mũi hoặc phun	Phòng bệnh gà rù Newcastle

- Nhu cầu bổ sung vitamin: Vitamin và khoáng chất vào nước uống, thức ăn để cung cấp các chất dinh dưỡng thiết yếu cho gà để giảm thiểu bệnh tật và giúp đàn gà phát triển nhanh. Định mức sử dụng vitamin cụ thể trong bảng sau:

Bảng 1. 8: Định mức về nhu cầu sử dụng vitamin cho gà

STT	Vitamin	Đơn vị tính	Định mức
1	Vitamin A	IU/kg	7.000 – 10.000
2	Vitamin D3	IU/kg	1.500 – 2.500
3	Vitamin E	mg/kg	20 - 30
4	Vitamin K3	mg/kg	1 - 3
5	Vitamin B1	mg/kg	1,0 – 2,5
6	Vitamin B2	mg/kg	4 - 7
7	Vitamin B6	mg/kg	2,5 – 5,0
8	Vitamin B12	mg/kg	0,015 – 0,025
9	Niacin	mg/kg	25 - 40
10	Pantothenic acid	mg/kg	9 - 11
11	Folic acid	mg/kg	0,8 – 1,2
12	Biotin	mg/kg	0,10 – 0,15
13	Vitamin C	mg/kg	100 - 150
14	Choline	mg/kg	200 – 400

c. Nhu cầu sử dụng hóa chất

- Nhu cầu về thuốc sát trùng: Thuốc sát trùng sử dụng do Công ty TNHH Ba Huân cung cấp chủ yếu là Omicide và vôi bột. Thuốc sát trùng sau khi được cung cấp sẽ được pha loãng với nước và phun khử trùng thường xuyên tại khu vực cổng ra – vào của Trang trại, vệ sinh trại nuôi sau khi thu hoạch, phun xung quanh và bên trong trang trại để diệt khuẩn. Nhu cầu sử dụng thuốc sát trùng tại dự án ước tính như sau:

- + Omicide: 35 lít/lứa nuôi
- + Vôi bột: 42 bao/lứa nuôi
- + Formol 2%: 1.500 lít/lứa nuôi
- + Chế phẩm vi sinh khử mùi EM: 680 lít/lứa nuôi.
- + Men vi sinh: 70 kg/lứa nuôi.

d. Nhu cầu về thức ăn:

Thức ăn là dạng thức ăn đã được đóng gói sẵn, chỉ việc đổ cho gà ăn, không cần pha chế phối trộn. Thức ăn được lưu chứa trong các silo cám, đảm bảo cho gà dùng trong vài ngày,

khi hết, thức ăn sẽ được vận chuyển từ kho chứa cám đến đổ vào silo, vận chuyển bằng xe chuyên dụng.

Định mức trung bình mỗi một con gà tiêu thụ trung bình khoảng 100g cám/con/ngày. Như vậy lượng thức ăn cho một lứa nuôi khoảng: $80.000 \text{ con} \times 0,1 \text{ kg} \times 54 \text{ tuần} \times 7 \text{ ngày} = 3.024.000 \text{ kg/lứa} = 3.024 \text{ tấn/lứa}$.

e. Nhu cầu về trâu và nhiên liệu phục vụ trại

- Nhu cầu sử dụng trâu tại trang trại:

+ Diện tích 04 dãy chuồng nuôi là $6.997,6 \text{ m}^2$, lớp vỏ lót được thiết kế dày 10 cm (0,1m). Thể tích lớp trâu là $6.997,6 \text{ m}^2 \times 0,1 \text{ m} = 699,76 \text{ m}^3$;

+ Khối lượng riêng trung bình của trâu 130 kg/m^3 . Vậy nhu cầu trâu sử dụng cho trại chăn nuôi là: $130 \text{ kg/m}^3 \times 699,76 \text{ m}^3 = 90.968,8 \text{ kg} \sim 90,96 \text{ tấn trâu/lứa nuôi}$.

- Dầu DO sử dụng cho máy phát điện dự phòng, ước tính khoảng 100 lít/tháng.

4.2 Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng nước:

- Nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt: Trại có tổng cộng 15 công nhân viên (*căn cứ theo TCXDVN 33:2006 của Bộ Xây dựng năm 2006 về việc cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế, nước dùng sinh hoạt cho nhân viên tại trang trại là 100 lít/người/ngày*): $15 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người} = 1,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nhu cầu cấp nước phục vụ hoạt động chăn nuôi: Nước sử dụng chủ yếu cho cung cấp nước uống cho gà, nước rửa trại nuôi.

+ Lượng nước cung cấp cho gà uống: Căn cứ nhu cầu thực tế, lượng nước gà uống trung bình: $0,19 \text{ lít/con}$ ($0,19 \text{ lít/ngày.đêm} \times 80.000 \text{ con} = 15,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$).

+ Lượng vệ sinh chuồng trại: Trong quá trình chăn nuôi, trung bình mỗi đợt sẽ xuất 1 dãy trại, thời gian dọn dẹp vệ sinh và giãn cách là 15 ngày (thời gian dọn dẹp là 4 – 5 ngày và thời gian để thoáng trại trước khi nhập lứa mới là 6 – 7 ngày tiếp theo). Quá trình vệ sinh trại nuôi chủ yếu là việc rửa trại, dọn phân trâu lót trại và công tác chuẩn bị trước khi thả lứa mới. Chủ dự án lắp đặt các vòi xịt rửa cao áp tại khu vực trại nuôi, lượng nước vệ sinh trại nuôi mỗi lứa xuất trại là $1 \text{ m}^3/\text{dãy chuồng} \times 4 \text{ chuồng} = 4,0 \text{ m}^3/\text{lứa nuôi}$ ($1 \text{ m}^3/\text{ngày/chuồng/lứa nuôi}$, 01 ngày xuất 01 chuồng nên 01 ngày chỉ vệ sinh 01 chuồng nuôi sau lứa nuôi).

+ Nước cấp hệ thống phun sương khử mùi sau quạt hút (hệ thống xử lý khí thải chuồng nuôi): $04 \text{ chuồng} \times 0,1 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} = 0,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

+ Lượng nước dùng làm mát: Lượng nước này chiếm khoảng $4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tương đương $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm/dãy trại}$) với mục đích làm mát cho tất cả các trại. Lượng này được sử dụng tuần hoàn, không thải ra ngoài.

+ Lượng nước dùng vệ sinh dụng cụ, thiết bị: chủ yếu phục vụ trong khâu vệ sinh khử trùng xe ra vào trại, quần áo, tay chân, giày dép hàng ngày: $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

- Nước tưới cây xanh, đường nội bộ: $2,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Như vậy, tổng nhu cầu dùng nước cho sinh hoạt và chăn nuôi của Trang trại là **25,1 m³/ngày.đêm.**

Bảng 1. 9: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước và phát sinh nước thải của trại

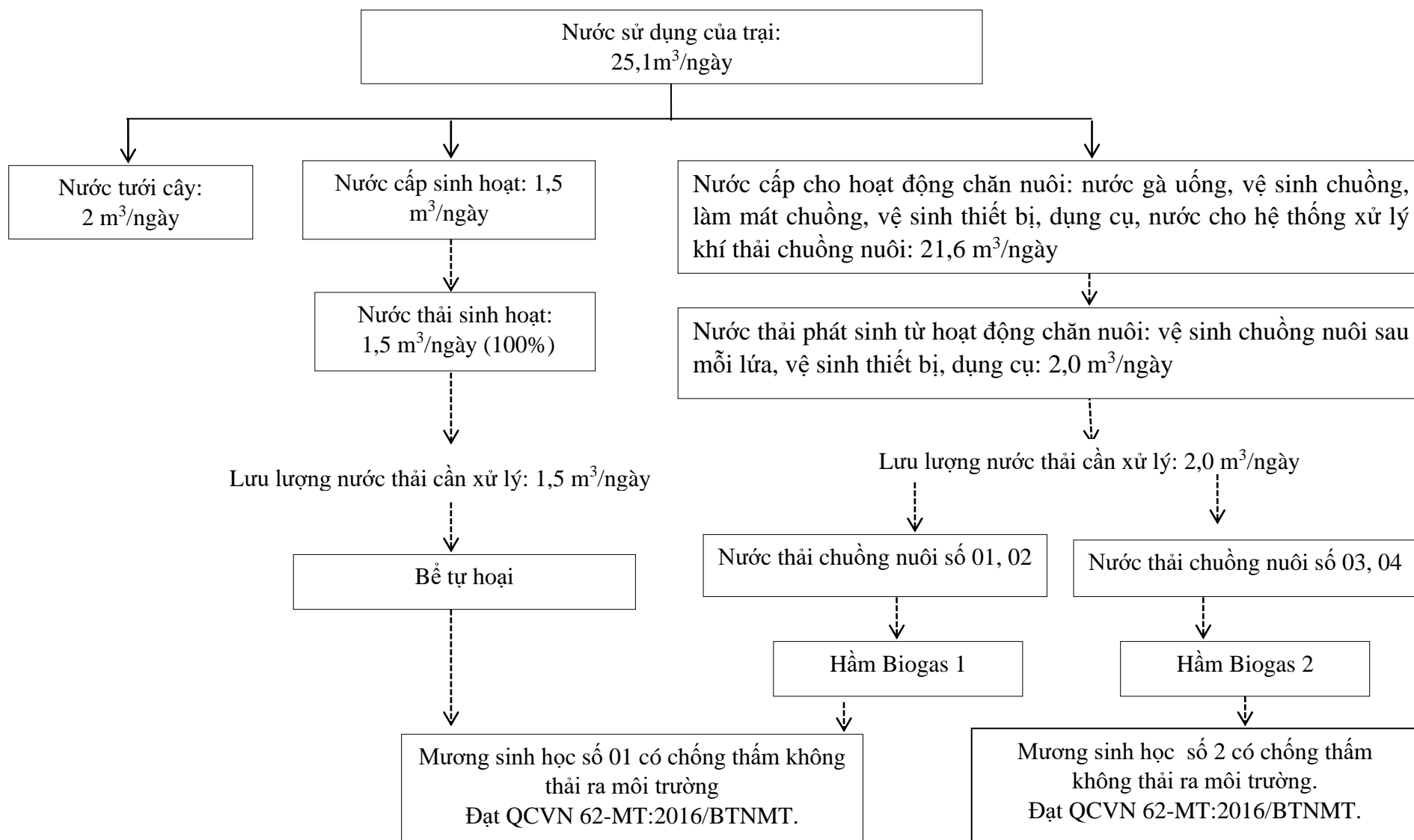
STT	Mục đích sử dụng	Định mức	Lưu lượng nước cấp lớn nhất (m ³ /ngày.đêm)	Lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất (m ³ /ngày.đêm)
I	Nước cấp sinh hoạt cho công nhân	100% nước cấp	1,5	1,5
II	Nước cấp cho quá trình chăn nuôi gà		21,6	2,0
1	Lượng nước cung cấp cho gà uống	Không phát sinh nước thải	15,2	-
2	Lượng nước vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi (1m ³ /ngày/chuồng/lứa nuôi)	100% nước cấp	1,0	1,0
3	Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải chuồng nuôi	Không phát sinh nước thải	0,4	-
4	Nước cấp cho hệ thống làm mát	-	4,0	-
5	Nước dùng vệ sinh dụng cụ, thiết bị	100% nước cấp	1,0	1,0
III	Nước tưới cây xanh	-	2,0	-
	TỔNG		25,1	3,5

- Nước dùng cho phòng cháy chữa cháy: Lượng nước dự trữ cấp cho một hoạt động chữa cháy được tính cho một đám cháy trong 02 giờ liên tục với lưu lượng 10 lít/giây/đám cháy.

$$Q_{cc} = 10 \text{ lít/giây} \times 2 \text{ giờ} \times 3.600 \text{ giây/giờ} = 72.000 \text{ lít} \sim 72 \text{ m}^3.$$

- Nguồn cung cấp nước: Sử dụng nước từ 03 giếng khoan 18m, đường kính 60mm, công suất 30 m³/ngày.đêm để cung cấp nước sinh hoạt và chăn nuôi của Trang trại.

➤ Quy trình cân bằng nhu cầu sử dụng nước của trại



4.3. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng điện

- Nhu cầu điện sử dụng cho trang trại sử dụng điện lưới quốc gia. Nhu cầu dùng điện của trại chăn nuôi gà khoảng 1.000 KWh/ngày.
- Nguồn cung cấp điện: Điện lưới quốc gia. Ngoài ra, chủ dự án lắp đặt 02 máy phát điện dự phòng công suất 200 KVA đề phòng khi mất điện. Nhiên liệu cho 02 máy phát điện dự phòng: dầu DO tiêu thụ khoảng 200 lít/tháng

4.4. Nhu cầu sử dụng lao động

- Cán bộ công nhân viên của trang trại trong giai đoạn hoạt động của Trang trại: 15 người

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Tiến độ thực hiện đầu tư của cơ sở

Trại đã đi vào hoạt động

5.2. Vốn đầu tư cơ sở

Tổng vốn đầu tư của Trang trại: 17.800.000.000 đồng (mười bảy tỷ tám trăm triệu đồng)

5.5. Tóm tắt tình hình thực hiện các công trình bảo vệ môi trường tại Cơ sở

Bảng 1. 10. Tóm tắt các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường tại cơ sở

STT	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Chi tiết số lượng, công nghệ xử lý
1	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ	<ul style="list-style-type: none"> – Lưu lượng nước thải sinh hoạt lớn nhất là 1,5 m³/ngày.đêm. – Công ty đã xây dựng 01 bể tự hoại tại khu vực phát sinh nước thải sinh hoạt như: nhà vệ sinh của khu vực nhà văn phòng và nhà nghỉ công nhân với thể tích 12,25 m³ (kích thước bể: 3,5m x 2,5m x 1,4m); nước sau xử lý sơ bộ bể tự hoại chảy ra mương sinh học số 01 (kích thước: 15m x 12m x 3m). – Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt như sau: Nước thải sinh hoạt tại các khu nhà vệ sinh của khu vực văn phòng, nhà ở công nhân → bể tự hoại → mương sinh học số 01.
2	Công trình xử lý nước thải chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> – Tổng lưu lượng nước thải chăn nuôi phát sinh lớn nhất là: 2,0 m³/ngày.đêm. – Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi bao gồm nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi, nước thải vệ sinh dụng cụ, thiết bị chăn nuôi chuồng nuôi số 01 và chuồng nuôi số 02 được thu gom về hầm Biogas số 01, (kích thước là: 50m x 15m x 3m). Nước thải sau hầm Biogas 01 theo đường ống nhựa PVC dẫn về mương sinh học 01 (kích thước: 15m x 12m x 3m) có chống thấm trong khuôn viên trại để xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

		<ul style="list-style-type: none"> - Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi bao gồm nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi, nước thải vệ sinh dụng cụ, thiết bị chăn nuôi chuồng nuôi số 03 và chuồng nuôi số 04 được thu gom về hầm Biogas số 02, (kích thước là: 20m x 13m x 3m). Nước thải sau hầm Biogas 02 theo đường ống nhựa PVC dẫn về mương sinh học 02 (kích thước: 10m x 5m x 3m) có chống thấm trong khuôn viên trại để xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT. - Sơ đồ thu gom nước thải chăn nuôi: + Nước thải vệ sinh chuồng trại và vệ sinh dụng cụ chăn nuôi chuồng nuôi số 01 và chuồng nuôi số 02 → hầm biogas 01 → mương sinh học xử lý nước thải số 01. + Nước thải vệ sinh chuồng trại và vệ sinh dụng cụ chăn nuôi chuồng nuôi số 03 và chuồng nuôi số 04 → hầm biogas 02 → mương sinh học xử lý nước thải số 02.
3	Công trình xử lý mùi hôi phía sau hệ thống quạt hút chuồng nuôi gà	Quy trình xử lý khí thải chuồng nuôi: Khí thải chuồng nuôi → Quạt hút → Công trình xử lý khí thải (lắp đặt khung sắt bằng lưới, lắp đặt hệ thống phun sương chế phẩm khử mùi) → Thoát ra môi trường.
4	Công trình xử lý khí thải lò đốt xác gà không phải do dịch bệnh	Quy trình xử lý khí thải: Xác gà chết (không do dịch bệnh) → Buồng đốt → Ống khói.
5	Chất thải rắn sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 12 kg/ngày. - Đối với chất thải có thể tái chế như nhựa, giấy vụn, ... được thu gom bán phế liệu. - Đối với chất thải không thể tái chế thì đốt hợp vệ sinh trong khuôn viên trại (tại thời điểm hiện tại, khu vực trang trại chưa có đơn vị thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào đến nơi để thu gom, do đó lượng rác thải này chủ dự án sẽ tự thu gom và xử lý bằng cách đốt hoặc chôn lấp hợp vệ sinh). - Nếu trong giai đoạn tới, khu vực có đơn vị đến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, Công ty sẽ tiến hành ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.
6	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	<ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 2.292 tấn/lứa. - Công ty đã bố trí: Nhà sấy, chứa phân gà diện tích 480 m² và 01 lò đốt xác gà chết (không do dịch bệnh). - Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại Cơ sở được Công ty quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định

		chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.
7	Chất thải nguy hại	<ul style="list-style-type: none">–Khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 86 kg/năm.–Công ty đã bố trí kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 6 m² và khu đất dự phòng chôn xác gà chết do dịch bệnh với diện tích 25 m².–Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị TP.HCM để thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH phát sinh tại Trại chăn nuôi theo quy định.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Trang trại đã được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 391/QĐ – UBND ngày 19/02/2016 do đó hoạt động của trang trại phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Theo trình bày tại mục 2.2 Chương 1, trang trại cách nhà dân gần nhất khoảng 250 m, cách Trại heo Ninh Điền khoảng 1km, cách khu tưởng niệm Liệt Sĩ Thanh Niên xung phong khoảng 3km, cách nhà văn hóa ấp Phước Trung khoảng 4,5 km, cách UBND xã Long Phước khoảng 6 km. Từ đó cho thấy, vị trí trang trại nằm cách xa khu dân cư, trường học, chợ, ... do đó vị trí trang trại phù hợp với quy định về khoảng cách an toàn trong chăn nuôi của trang trại do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 về việc hướng dẫn một số điều của Luật chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi và Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi: Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô vừa đến khu tập trung xử chất thải sinh hoạt, công nghiệp, cộng đồng dân cư tối thiểu là 200m; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 300m và khoảng cách giữa 02 trại chăn nuôi của 02 chủ thể khác nhau tối thiểu là 50 m.

- Về quy hoạch ngành: phù hợp với Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Đề án cơ cấu lại nông nghiệp tỉnh Tây Ninh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Khu đất xây dựng trang trại thuộc quyền sử dụng của Chủ dự án, ngoài ra xung quanh khu vực không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường như: không nằm trong nội thành, nội thị của đô thị; không xả nước thải vào nguồn nước mặt sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, không sử dụng đất của khu bảo tồn thiên nhiên, đất rừng, hay đất của di tích – lịch sử, danh lam thắng cảnh; không có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa, khu bảo tồn thiên nhiên.

Hiện tại chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh và phân vùng môi trường tại khu vực hoạt động của dự án

2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Đối với môi trường nước

Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt yêu cầu QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sau đó chứa trong mương sinh học có chống thấm trong khuôn viên trại chăn nuôi, không xả thải ra môi trường. Do đó nước thải phát sinh tại Trại chăn nuôi không gây ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của môi trường xung quanh.

2.2. Đối với môi trường không khí

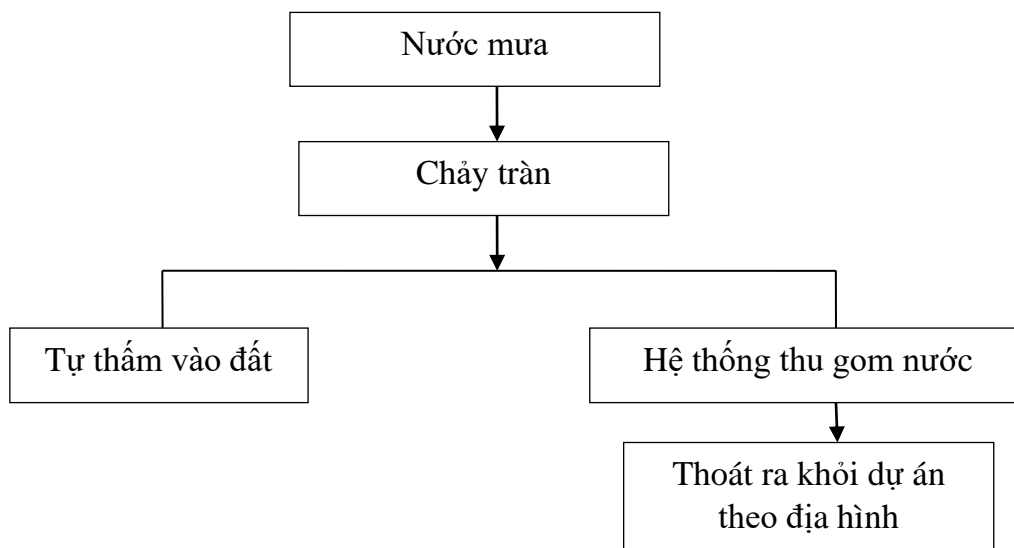
Trang trại áp dụng mô hình chăn nuôi trại lạnh khép kín giúp giảm thiểu phần nào mùi hôi phát sinh tại khu vực chuồng nuôi. Chuồng nuôi được lắp đặt hệ thống làm mát ở đầu mỗi dãy chuồng, thông gió cưỡng bức bằng hệ thống quạt hút ở phía sau mỗi chuồng nuôi, đảm bảo không khí được đổi lưu và nhiệt độ luôn ổn định 25 - 26°C, tạo nên môi trường chăn nuôi lý tưởng, thông thoáng và mát mẻ, từ đó hạn chế sự phân hủy của các chất thải tại chuồng nuôi.

Tại khu vực phía sau hệ thống quạt hút của mỗi dãy chuồng nuôi, Chủ dự án bố trí hệ thống xử lý mùi hôi (hệ thống phun sương chế phẩm sinh học khử mùi EM) để giảm thiểu mùi phát sinh từ khí sau quạt hút.

CHƯƠNG III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa



Hình 3. 1 Sơ đồ thu gom nước mưa của Trang trại

- Tại khu vực dự án hiện nay chưa có hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực. Địa hình khu vực dự án tương đối bằng phẳng, do đó nước mưa chảy tràn chủ yếu tự thấm và thoát theo địa hình.

- Mặt bằng trại được san lấp giảm dần cao độ về phía đầu trại nhằm đảm bảo khả năng thoát nước nhanh nhất. Nước mưa rơi tự do sẽ chảy tràn tự nhiên theo độ dốc của mặt bằng trại, một phần tự thấm vào đất, một phần sẽ chảy vào mương thu gom nước mưa có hướng thoát về phía đầu trại, sau đó toàn bộ nước mưa sẽ tự thoát theo địa hình của khu vực.

- Mương thu gom và thoát nước mưa được xây dựng dạng mương đất, hở với kích thước rộng x cao là 1,5 m x 0,6 m, được bố trí dọc theo hàng rào của trang trại và có độ dốc hướng về phía đầu trại.

- Ngoài ra, rác thải của trang trại luôn được thu gom, dọn dẹp sạch sẽ, không để vương vãi trên khu vực trại, do đó, tránh được tình trạng rác thải bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn gây ngập úng và ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom và thoát nước mưa của trang trại như sau:

Bảng 3. 1: Bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật hệ thống thu gom và thoát nước mưa

STT	Hạng mục	Thông số, quy cách	Cấu tạo, vị trí
1	Mương thu gom	Rộng 1,5 m, cao 0,6m, dài	Mương đất hở

	nước mưa	1.000m	
2	Ao chứa nước mưa	Dài 12m x rộng 15m x cao 3m.	BTCT, Bố trí bên trong khuôn viên trang trại

Nguồn: Công ty TNHH MTV TM & SX chăn nuôi Trung Dũng

1.2. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải

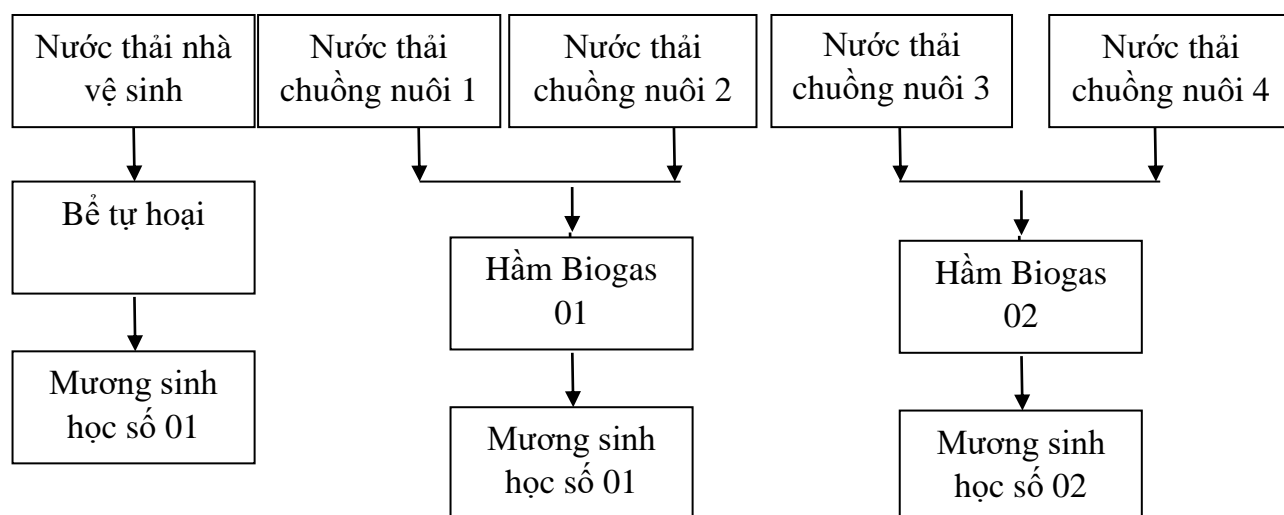
❖ Thu gom nước thải:

– *Nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh tại các khu vực: nhà văn phòng, nhà ở công nhân của Trang trại, với lưu lượng 1,5 m³/ngày.đêm (15 người x 100 lít/người/ngày), sẽ được thu gom bằng ống PVC Φ 90mm về bể tự hoại 3 ngăn (số lượng 01 bể, thể tích bể 12 m³) để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tự hoại được chảy qua mương sinh học số 01, để tiếp tục xử lý; phía trên mương sinh học phủ một lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ đặt các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để xử lý nước thải đảm bảo đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT theo quy định.

– *Nước thải chăn nuôi:*

Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi gồm: nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi và nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi chuồng nuôi số 01 và chuồng nuôi số 02 với lưu lượng lớn nhất là 2 m³/ngày được thu gom bằng 2 rãnh bê tông dọc 2 bên vách phía trong chuồng nuôi, được thoát ra ngoài theo đường ống PVC Φ 114mm dẫn ra 2 mương hở bê tông dọc 2 bên ngoài chuồng nuôi, có chiều dài 120m, rộng 0,3m, sâu 0,2m, độ dốc 3% về phía cuối chuồng, sau đó nước thải qua lưới chắn rác, rồi theo đường ống dẫn Φ 114mm dẫn về hầm Biogas 01 (kích thước: 50m x 15m x 3m, thể tích 2.250 m³). Nước thải sau hầm Biogas 01 theo đường ống nhựa PVC dẫn về mương sinh học số 01 (có kích thước: 15m x 12m x 3m, thể tích 540m³) để xử lý đạt yêu cầu của QCVN 62-MT: 2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi gồm: nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi và nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi chuồng nuôi số 03 và chuồng nuôi số 04 với lưu lượng lớn nhất là 2 m³/ngày được thu gom bằng 2 rãnh bê tông dọc 2 bên vách phía trong chuồng nuôi, được thoát ra ngoài theo đường ống PVC Φ 114mm dẫn ra 2 mương hở bê tông dọc 2 bên ngoài chuồng nuôi, có chiều dài 120m, rộng 0,3m, sâu 0,2m, độ dốc 3% về phía cuối chuồng, sau đó nước thải qua lưới chắn rác, rồi theo đường ống dẫn Φ 114mm dẫn về hầm Biogas 02 (kích thước: 13m x 20m x 3m, thể tích 780 m³). Nước thải sau hầm Biogas 02 theo đường ống nhựa PVC dẫn về mương sinh học số 02 (có kích thước: 10m x 5m x 3m, thể tích 150m³) để xử lý đạt yêu cầu của QCVN 62-MT: 2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.



Hình 3. 2: Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải

❖ Thoát nước thải:

- Điểm xả nước thải sau xử lý:

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: 02 Mương sinh học có chống thấm trong khuôn viên trại chăn nuôi, không thải ra môi trường.

+ Vị trí xả nước thải:

Tại mương sinh học số 01 tọa độ X = 1252 142; Y = 0643 815;

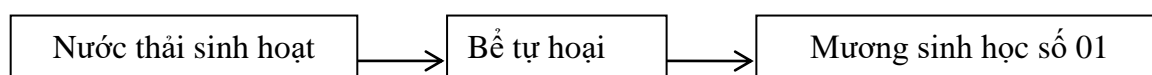
Tại mương sinh học số 02 tọa độ X = 1252 256; Y = 0643 689;

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰)

1.3. Xử lý nước thải

❖ **Nước thải sinh hoạt**

Tổng lượng nước thải sinh hoạt của công nhân trong trại, khu vực văn phòng, nhà ở công nhân lưu lượng 1,5 m³/ngày, thành phần bao gồm các chất dinh dưỡng BOD, nitơ, phốt pho, các chất hữu cơ khó phân huỷ và một số virus, vi khuẩn.... được xử lý bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn (kích thước 3,5m x 2,5m x 1,4m, thể tích 12,25m³) để xử lý sơ bộ nước thải sau bể tự hoại chảy ra mương sinh học 01 (kích thước 15m x 12m x 3m, thể tích 540m³) phía trên mương sinh học phủ một lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ đặt các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để xử lý nước thải đảm bảo đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT theo quy định. Nước thải sau xử lý được lưu chứa tại mương sinh học có chống thấm, không thải ra môi trường.



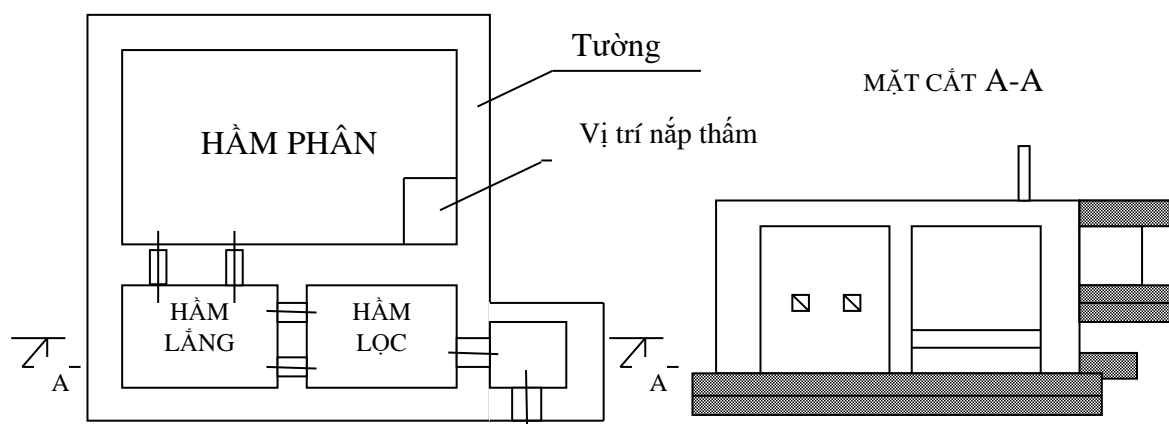
Hình 3. 3 Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt

Bể tự hoại có 3 ngăn có hình khối chữ nhật là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân huỷ cặn lắng. Bể còn có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân huỷ. Bể có chức năng lắng và phân huỷ cặn với hiệu suất xử lý 80 – 85%. Tại đây chất rắn được giữ lại trong bể 90% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân huỷ, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Sau khi qua bể tự hoại nồng độ các chất

hữu cơ còn lại trong nước thải khoảng 20 – 30% riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn.

Trại có 01 bể tự hoại đặt ngầm dưới nhà vệ sinh (tại nhà ở công nhân). Toàn bộ hệ thống được xây dựng chìm dưới đất. Lượng bùn sau thời gian lưu trong bể sẽ được đơn vị hút hầm cầu đến hút và vận chuyển đến nơi xử lý đúng quy định.

Cấu tạo của bể tự hoại được trình bày trong hình sau:



Hình 3. 4: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

*** Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:**

Nước thải sinh hoạt của công nhân viên được thu gom về bể tự hoại để xử lý. Nước thải vào bể tự hoại đầu tiên sẽ qua ngăn lắng và phân hủy cặn. Tại ngăn này, các cặn rắn được giữ lại và phân hủy một phần với hiệu suất khoảng 20% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau đó, nước qua ngăn chứa nước. Tại đây, các thành phần hữu cơ có trong nước thải tiếp tục bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau ngăn lắng cặn, nước được đưa qua ngăn lọc với vật liệu lọc bao gồm sỏi, than, cát được bố trí từ dưới lên trên nhằm tách các chất rắn lơ lửng có trong nước thải. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Sau bể tự hoại, hàm lượng chất hữu cơ (BOD, COD) và dinh dưỡng (Nitơ, Phospho) giảm khoảng 60%; dầu mỡ động thực vật giảm khoảng 80%; chất rắn lơ lửng giảm khoảng 90%. Sau khi qua bể tự hoại thì hàm lượng các chất ô nhiễm BOD₅, COD và SS giảm đáng kể.

Nước thải sau đó được đưa về mương sinh học số 01 để tiếp tục xử lý đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT. Mương sinh học số 01 được thiết kế như sau: phía trên phủ một lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ rải các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để cải thiện môi trường nước; trên bề mặt mương sinh học sẽ trồng cây xanh.

Bảng 3. 2: Các hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật (m)	Số lượng	Vật liệu
1	Bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt	3,5 x 2,5 x 1,4	01	Vật liệu nền đáy bê tông, tường gạch.

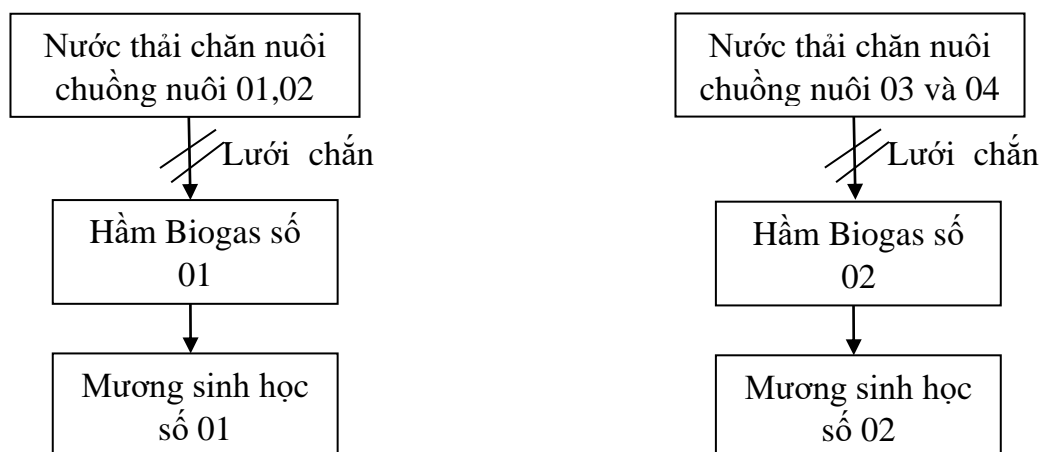
STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật (m)	Số lượng	Vật liệu
2	Mương sinh học xử lý nước thải 01	15 x 12 x 3	01	Lót bạt HDPE, bố trí vật liệu lọc.

❖ **Nước thải chăn nuôi**

Nước thải chăn nuôi gồm nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng nuôi sau mỗi lứa nuôi, nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi có lưu lượng cao nhất là 2 m³/ngày.đêm, được xử lý bằng hầm Biogas rồi dẫn về mương sinh học để tiếp tục xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

Chủ trang trại đầu tư xây dựng 02 hầm Biogas và 02 mương sinh học để xử lý nước thải chăn nuôi. Bố trí, mương thu nước thải từ 04 dãy chuồng nuôi được thu gom về 02 hầm Biogas và 02 mương sinh học để xử lý.

Quy trình xử lý nước thải của Trang trại như sau:



Hình 3. 5 Sơ đồ thu gom nước thải chăn nuôi của trại chăn nuôi

❖ **Thuyết minh quy trình:**

Lượng nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của Trang trại không đều mà chỉ tập trung chủ yếu trong thời gian vệ sinh chuồng trại khoảng 420 ngày/lần (khi trại xuất bán gà) để chuẩn bị nuôi lứa mới. Nước thải phát sinh từ quá trình xịt rửa trại nuôi cuốn theo phân và lượng trấu còn sót lại trên nền chuồng. Mỗi ngày trang trại xuất 1 dãy trại và tiến hành vệ sinh ngay nên lượng nước thải phát sinh là 1m³/1 dãy trại/ngày.

Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi gồm: nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi và nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi chuồng nuôi số 01 và chuồng nuôi số 02 được thu gom bằng 2 rãnh bê tông dọc 2 bên vách phía trong chuồng nuôi, được thoát ra ngoài theo đường ống PVC Φ114mm dẫn ra 2 mương hở bê tông dọc 2 bên ngoài chuồng nuôi, về phía cuối chuồng, sau đó nước thải qua lưới chắn rác, rồi theo đường ống dẫn Φ 114mm dẫn về hầm Biogas 01.

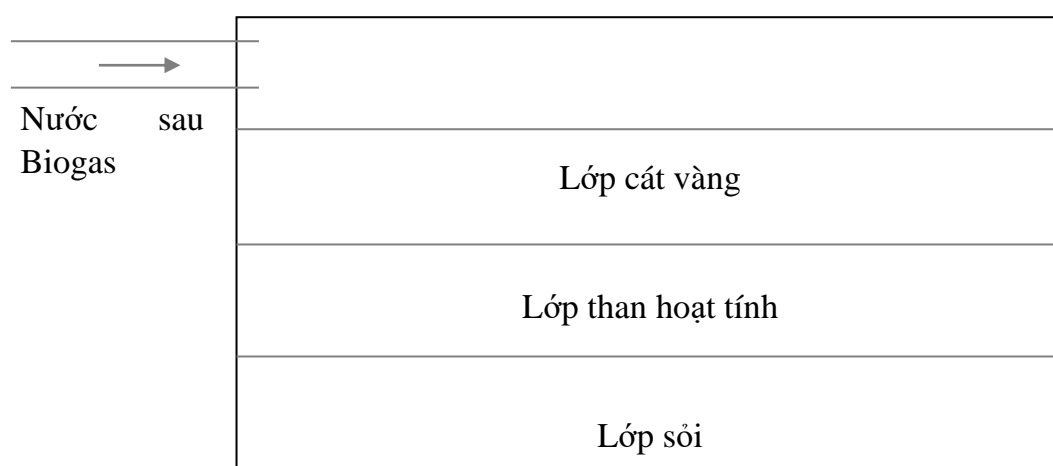
Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi gồm: nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi và nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi chuồng nuôi số 03 và chuồng nuôi số 04 được thu gom bằng 2 rãnh bê tông dọc 2 bên vách phía trong chuồng nuôi, được thoát ra ngoài theo đường ống PVC Φ 114mm dẫn ra 2 mương hở bê tông dọc 2 bên ngoài chuồng nuôi, về phía cuối chuồng, sau đó nước thải qua lưới chắn rác, rồi theo đường ống dẫn Φ 114mm dẫn về hầm Biogas 02.

Hầm Biogas: Nước thải phát sinh chảy về hầm Biogas. Hầm biogas có chức năng lắng và phân hủy cặn với hiệu suất xử lý 80 – 85%. Tại đây chất rắn được giữ lại trong bể 90%, dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Sau khi qua hầm, nồng độ các chất hữu cơ còn lại trong nước thải khoảng 20 - 30% riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn. Sau khi qua bể lắng lọc thì hàm lượng các chất ô nhiễm BOD₅, COD và SS giảm đáng kể. Hiệu suất xử lý nước thải: BOD₅ đạt 71 – 85%, hàm lượng chất lơ lửng SS đạt >75%, COD đạt 75 – 90%, TSS đạt 75 – 95%. Lượng bùn sau thời gian lưu trong bể được nạo vét làm phân bón cho cây.

Mương sinh học số 01: Nước sau hầm biogas số 01 theo đường ống nhựa PVC dẫn qua mương sinh học 01 có thể tích 540 m³ (kích thước mương 1 là 15m x 12m x 3m phía trên mương sinh học phủ 1 lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ rải các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để cải thiện môi trường nước, xung quanh mương sinh học sẽ trồng cỏ, cây xanh. Mương sinh học sẽ được nạo vét định kỳ 6 tháng 1 lần, thu gom xử lý đúng theo quy định.

Mương sinh học số 02: Nước sau hầm biogas số 02 theo đường ống nhựa PVC dẫn qua mương sinh học 02 có thể tích 150 m³ (kích thước: 10m x 5m x 3m phía trên mương sinh học phủ 1 lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ rải các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để cải thiện môi trường nước, xung quanh mương sinh học sẽ trồng cỏ, cây xanh. Mương sinh học sẽ được nạo vét định kỳ 6 tháng 1 lần, thu gom xử lý đúng theo quy định.

Cấu tạo mương sinh học và các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải trang trại:



Hình 3 1: Cấu trúc mương sinh học

Bảng 3. 3: Hạng mục của hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi

STT	Hạng mục	Số lượng (cái)	Quy cách
1	Song chắn rác	8	- Vật liệu: inox - Cuối mương dẫn nước của mỗi dãy chuồng nuôi.
2	Hầm Biogas	2	- Kích thước: Biogas 1: 50m x 15m x 6m; Biogas 2: 20m x 13m x 6m. - Vật liệu: Lót bạt HDPE.
3	Mương sinh học	2	- Xây dựng dạng mương chìm - Kích thước: Mương 1: 15 m x 12m x 3m; Mương 1: 10 m x 5m x 3m. - Vật liệu: Lót bạt HDPE.

Bảng 3. 4 : Danh mục hóa chất sử dụng

TT	Nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng	Nguồn cung cấp
1	Chế phẩm men vi sinh	Kg/năm	30	Việt Nam
2	Vật liệu lọc	Kg/năm	30	Việt Nam

2. Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Giảm thiểu mùi hôi, khí thải phát sinh từ dãy chuồng nuôi của trang trại

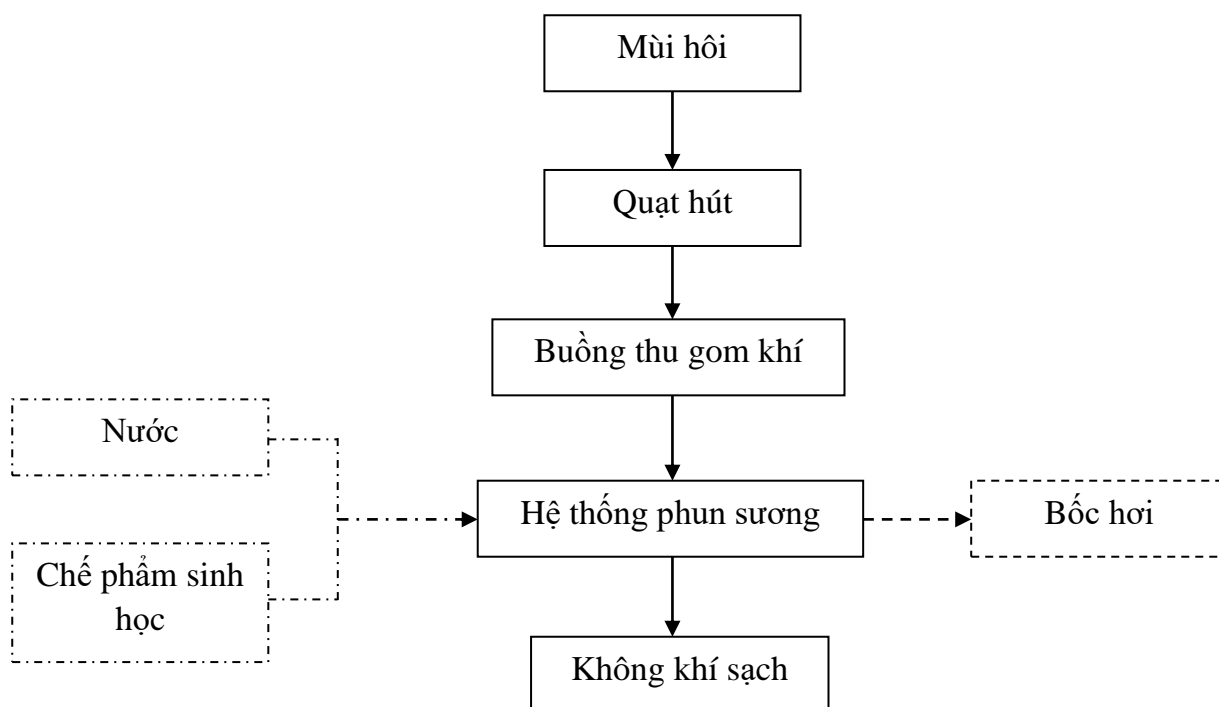
Mùi phát sinh từ khu vực chuồng nuôi gà bao gồm khí NH₃, H₂S. Để hạn chế sự phát sinh khí thải, mùi đến mức thấp nhất có thể được, Chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp như sau:

- Bố trí các quạt hút và hệ thống làm mát trong mỗi dãy chuồng nuôi nhằm thông thoáng cho chuồng nuôi và trang trại. Phía sau mỗi dãy chuồng sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút, lắp đặt mỗi dãy chuồng là 11 quạt hút, tổng cộng 44 quạt hút cho 4 dãy chuồng nuôi (lưu lượng 1 quạt hút là 44.800 m³/h).

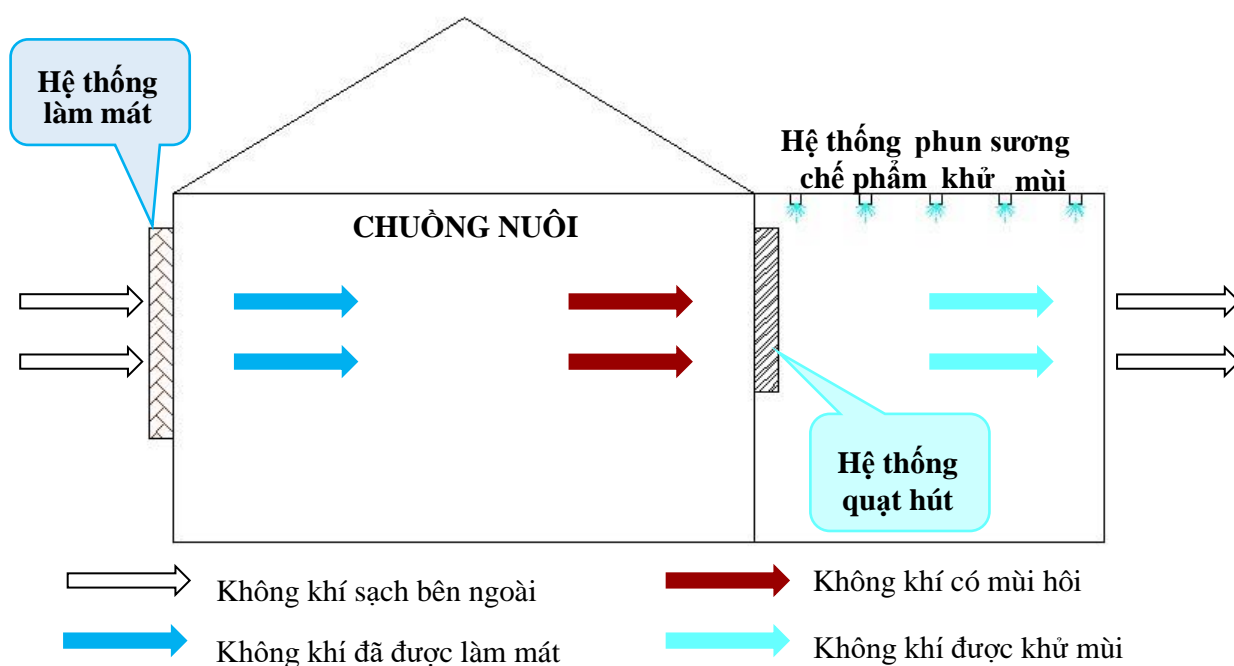
- Thông số cơ bản quạt hút: quạt hộp, 6 cánh bằng inox dập gân, kích thước 1380 x 1380 x 400mm, công suất 1.1KW, độ ồn 65dB, điện áp 380V/220V, lưu lượng 44.800m³/h.

- Mùi hôi và khí thải sẽ được thu gom ra ngoài bằng các quạt hút theo hướng cuối của mỗi dãy trại nuôi, chủ trang trại bố trí hệ thống thu gom khí thải, mùi hôi phía sau quạt hút.

- Phía sau hệ thống quạt hút của mỗi dãy chuồng nuôi, chủ trang trại xây dựng buồng thu gom xử lý mùi. Cấu tạo của buồng thu gom khí thải, mùi hôi được thiết kế khung sắt, các vách được phủ bằng lưới len bao quanh. Phía trên buồng được thiết kế hệ thống phun sương với chế phẩm khử mùi EM nhằm giảm thiểu mùi hôi, làm sạch không khí trước khi thoát ra bên ngoài. Hệ thống xử lý mùi hôi tại trại chăn nuôi như sau:



Hình 3. 6: Sơ đồ xử lý khí thải và mùi hôi trại chăn nuôi.



Hình 3. 7: Hình ảnh minh họa hệ thống phun sương

* Thuyết minh quy trình:

Lắp đặt hệ thống quạt hút không khí sau mỗi dãy chuồng nuôi để xử lý mùi hôi phát sinh tại trang trại. Phía sau hệ thống quạt hút được thiết kế buồng chắn (3 vách) cao hơn quạt hút với kết cấu khung sắt, vách bằng tôn, buồng thu gom mỗi chuồng có kích thước dài 12m, rộng 5,0m, cao 5,0m. Vách chắn này nhằm tạo điều kiện cho không khí sau quạt hút ra ngoài và vào vách

chấn và chuyển động theo phương thẳng đứng phát tán lên cao. Phía trên buồng chấn chủ trang trại gắn 1 lớp lưới len và lắp đặt hệ thống phun sương bằng chế phẩm vi sinh khử mùi hôi EM nhằm giảm thiểu nồng độ mùi hôi phát tán ảnh hưởng đến dân cư xung quanh.

- Nhu cầu sử dụng chế phẩm EM: 1 lít/chuồng.
- Nhu cầu sử dụng nước: 0,1 m³/chuồng/ngày.đêm
- Nhu cầu sử dụng điện cho phun sương: 1kW/ngày
- Bố trí công nhân vệ sinh bên ngoài trại thường xuyên, đảm bảo công tác vệ sinh trại sạch sẽ.
- Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các dãy trại 1 lần/tuần. Ngoài ra, 1 tháng/lần thực hiện tổng vệ sinh tiêu độc sát trùng toàn trại.
- Sau mỗi đợt thu hoạch gà, chủ trang trại tiến hành tiêu độc khử trùng trại đảm bảo không để các mầm bệnh tồn tại, phát sinh.
- Trại được thiết kế thông thoáng, có hệ thống quạt gió, quạt hút, hệ thống làm mát đảm bảo nhiệt độ ổn định trong trại. Không khí trong trại đảm bảo thông thoáng tránh phát sinh mùi hôi trong khu vực chăn nuôi và xung quanh.
- Khu vực kho chứa nguyên liệu chăn nuôi sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút đảm bảo kho chứa thông thoáng tránh ẩm mốc.
- Trồng cây xanh xung quanh trại nhằm tạo dãy phân cách và tăng vẻ mỹ quan cho trang trại.
- Khu vực văn phòng và nhà công nhân làm việc trong trại được bố trí riêng biệt và cách xa khu vực chuồng nuôi, đồng thời không cùng hướng với quạt hút.
- Xây dựng hàng rào cao 2 m bao quanh khu vực trại nuôi cách biệt với bên ngoài, từ hàng rào vào khu chuồng trại đảm bảo có một vành đai xung quanh, chiều rộng tối thiểu của vành đai hàng rào là 10 m.

2.2. Giảm thiểu mùi hôi sinh ra từ kho cám

Định kỳ 1 tuần Công ty sẽ nhập thức ăn cho gà 1 lần, không lưu chứa thức ăn cho gà tại kho chứa trong thời gian dài, với số lượng lớn.

Thiết kế nhà kho đảm bảo thông thoáng, không bị ẩm ướt nhằm giảm khả năng phát sinh mùi hôi tại khu vực này.

Kho thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, thức ăn gia súc được lưu chứa gọn gàng; duy trì điều kiện bảo quản tốt để hạn chế khả năng phát sinh mùi do thức ăn bị rơi vãi, bị ẩm mốc, ...

2.3. Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông và từ quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu.

- Bê tông hóa toàn bộ các tuyến đường giao thông nội bộ
- Vào mùa khô, có gió lớn, thực hiện phun nước sân bãi nhằm giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào 1 – 2 lần/ngày.
- Yêu cầu các phương tiện giảm tốc độ khi lưu thông trong khuôn viên trang trại

- Đối với các phương tiện vận chuyển tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại.
- Xe chở đúng tải trọng để giảm thiểu phát thải bụi và khí thải ra môi trường, phải được vệ sinh sạch sẽ tránh gây ảnh hưởng mùi trong lúc vận chuyển.
- Xe được che phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển.

2.4. Giảm thiểu khí thải từ máy phát điện

Trang trại đầu tư 02 máy phát điện dự phòng (công suất 200KVA, sử dụng dầu DO). Tuy nhiên, nguồn khí thải này không thường xuyên do chỉ được vận hành khi mạng lưới điện quốc gia gặp sự cố. Định mức tiêu thụ nhiên liệu của máy phát điện dự phòng trung bình 12,5 lít dầu DO/giờ tương đương 10,375 kg/giờ (tỷ trọng dầu DO khoảng 0,83 kg/lít). Lưu lượng khí thải phát sinh khi đốt 1kg dầu DO khoảng 18 Nm³/kg ở điều kiện tiêu chuẩn. Do đó, lượng khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng là 10,375 x 18 = 186,75 m³/giờ.

Để đảm bảo về mặt môi trường, chủ đầu tư chủ động lựa chọn các loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh và cặn carbon thấp để sử dụng cho máy phát điện. Cụ thể như:

- Hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu sử dụng không vượt quá 1%.
- Hàm lượng Carbon không vượt quá 76%.

Với tiêu chí như trên thì trang trại sử dụng dầu DO có bổ sung một số chất phụ gia giúp hạn chế nguồn ô nhiễm từ hoạt động của máy phát điện. Bên cạnh đó để giảm thiểu đến mức thấp nhất các hoạt động từ khí thải phát sinh khi máy phát điện hoạt động, chủ trang trại sẽ lắp đặt thêm ống khói cao 5m, vật liệu Inox để chủ động phát tán lượng khí thải phát sinh này (công dụng của ống khói là nâng cao điểm phát tán của dòng khói thải, qua đó nâng cao tốc độ phát tán cũng như phạm vi phát tán của dòng khí này). Dưới sự xáo trộn của dòng khí thải trên cao và dòng khí được lan truyền xa hơn, nồng độ khí thải tại khu vực gần trang trại trở nên vô cùng loãng.

Việc lựa chọn hình thức phát tán này là hoàn toàn hợp lý, do đây là nguồn thải không thường xuyên và mức độ ảnh hưởng không đáng kể. Khí thải sau máy phát điện dự phòng đáp ứng đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

2.5. Đối với khí thải từ quá trình tiêu hủy xác gà chết (không do dịch bệnh)

Trong trường hợp xảy ra dịch lớn công ty phối hợp với cơ quan chức năng nhà nước để tiêu hủy đúng quy định. Trong trường hợp thi thoảng có 1 vài con bị chết thì công ty tự tiêu hủy bằng lò đốt tại công ty. Hiện nay, Công ty đã có 1 lò đốt tiêu hủy heo chết bằng dầu DO. Thực tế do công tác chăn nuôi tốt, kịp thời chữa trị dịch bệnh nên lượng gà chết cần tiêu hủy ở Công ty rất ít, tần suất hoạt động của lò đốt rất thấp. Khí thải sau lò đốt được quạt hút lưu lượng 500 m³/giờ hút cho phát tán khí thải ra môi trường qua ống thải cao 3m, đường kính 0,4m.

Vị trí lò đốt xác gà chết được bố trí tại khu đất trang trại, có địa hình cao ráo, không ngập nước trong mùa mưa và nằm ở cuối hướng gió chính của Trang trại.

2.6. Biện pháp giảm thiểu hơi hóa chất khử trùng

Để giảm thiểu tác động từ hơi hóa chất khử trùng, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện chế độ phun thuốc sát trùng theo quy định tại QCVN 01-14:2010/BTNMT của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 15/01/2010, cụ thể: Định kỳ phun thuốc sát trùng quanh khu chăn nuôi, các chuồng nuôi ít nhất 1 lần/2 tuần; phun thuốc sát trùng lối đi trong khu chăn nuôi và các dãy chuồng nuôi ít nhất 1 lần/tuần khi không có dịch bệnh và ít nhất 1 lần/ngày khi có dịch bệnh; phun thuốc sát trùng trên lợn 1 lần/tuần khi có dịch bệnh bằng các dung dịch sát trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Vệ sinh sạch sẽ các khu vực chăn nuôi nhằm phá hủy tối đa phổ khử trùng của thuốc, tránh tình trạng phải thực hiện phun xịt nhiều lần.
- Lựa chọn những sản phẩm khử trùng có thành phần thảo dược, lành tính nhưng mang lại hiệu quả cao, phổ khử trùng rộng và an toàn cho vật nuôi và người sử dụng.
- Không chế nồng độ và liều lượng thuốc khử trùng mỗi lần sử dụng theo đúng hướng dẫn sử dụng của hãng sản xuất và chỉ định của bác sĩ thú y.

2.7. Biện pháp phòng ngừa giảm thiểu ruồi, muỗi

- Dụng cụ chăn nuôi và vệ sinh chỉ dùng riêng cho từng dãy trại nuôi, cọ rửa và phơi khô sau khi sử dụng.
- Xử lý ngay xác những con vật chết ngay trong ngày, vì đây là môi trường để ruồi phát triển.
- Sử dụng biện pháp hóa học bằng cách phun thuốc diệt côn trùng ở các vách hoặc tường.
- Thu gom xử lý chất thải chăn nuôi của Trang trại được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Nơi tập kết rác thải, chất thải là nơi cung cấp chất dinh dưỡng cho ruồi, vì vậy để giảm thiểu số lượng ruồi thì định kỳ chủ trang trại sẽ dọn dẹp chất thải xung quanh trang trại.
- Thực hiện chế độ vệ sinh xung quanh chuồng trại theo quy định tại QCVN 01-14:2010/BTNMT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 15/01/2010, cụ thể: Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh trong khu chăn nuôi ít nhất 1 lần/tháng.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Rác thải sinh hoạt của trang trại bao gồm các chất hữu cơ dễ bị phân hủy chủ yếu là thức ăn dư thừa trong quá trình ăn uống, sinh hoạt hằng ngày của cán bộ công nhân viên của trang trại.
- Khối lượng chất thải sinh hoạt hàng ngày phát sinh của trại là 15 người. Theo QCVN 01:2021/BXD, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại trại là 0,8 kg/người.ngày thì tổng khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 12 kg/ngày.

Thiết bị lưu chứa:

- + Thùng rác dung tích 60 lít
- + Số lượng: 6 thùng.
- + Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE, có nắp đậy kín.

Tần suất thu gom: 1 ngày/lần

Biện pháp xử lý: Thu gom phân loại và chứa trong các thùng rác có nắp đậy. Đối với chất thải có thể tái chế như nhựa, giấy vụn, ... được thu gom bán phế liệu. Đối với chất thải không thể tái chế thì đốt hợp vệ sinh trong khuôn viên trại. Tại thời điểm hiện tại, khu vực trang trại chưa có đơn vị thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào đến nơi để thu gom, do đó lượng rác thải này chủ trang trại sẽ tự thu gom và xử lý bằng cách đốt hoặc chôn lấp hợp vệ sinh. Nếu trong giai đoạn tới, khu vực có đơn vị đến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt xử lý theo quy định. Chủ trang trại sẽ tiến hành ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Nguồn phát sinh: Chất thải rắn trong quá trình chăn nuôi bao gồm: trứng gà hư, bẻ, Phân gà và vỏ trấu lót chuồng sau mỗi lứa nuôi, bao bì đựng thức ăn chăn nuôi, gà chết do giã đập (không do dịch bệnh), ... Khối lượng phát sinh khoảng **2.292 tấn/lứa**.

Hình thức lưu trữ: Chất thải phát sinh gồm trứng gà hư, bẻ, phân gà và được lưu trữ nhà sấy, chứa phân gà có diện tích 480 m², trấu được lưu giữ tạm thời trong chuồng nuôi, bao bì đựng thức ăn được lưu giữ tạm thời trong kho cám, gà chết do giã đập không phải do dịch bệnh được xử lý ngay bằng lò đốt xác gà chết có diện tích 1,2m², không lưu giữ.

Biện pháp xử lý:

– Trứng gà, hư bẻ: Lượng trứng gà hư, bẻ ước tính khoảng 2 tấn/lứa nuôi, được phân loại và thu gom hàng ngày, bán cho cơ sở chăn nuôi heo để làm thức ăn.

– Phân gà và trấu lót chuồng: Trung bình lượng phân gà thải ra mỗi ngày chiếm tỷ lệ 5% so với khối lượng cơ thể gia cầm (*Căn cứ theo tài liệu Quản lý chất thải chăn nuôi của trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, 2011*), ước tính khối lượng chất thải chăn nuôi phát sinh 1 ngày tại trang trại với quy mô 80.000 con như sau:

Bảng 3. 5: Khối lượng phân gà phát sinh trong 1 lứa nuôi

STT	Chủng loại	Số lượng	Trọng lượng	Lượng phân	Tổng lượng phân
		(con)	trung bình (kg/con)	(kg phân/kg thịt.ngày)	(kg phân/ngày)
1	Trọng lượng 1,5-2,2 kg		1,85	0,015	2.220
2	Trọng lượng 2,2-2,8 kg		2,5	0,015	3.000
Tổng		80.000	-	-	5.220

(*Nguồn:* Tính toán theo kết quả thống kê của Công ty CP Chăn nuôi C.P Việt Nam)

Lượng phân gà 1 lứa nuôi: $5.220 \text{ kg/ngày} \times 420 \text{ ngày} = 2.192.400 \text{ kg/lứa} = 2.192 \text{ tấn/lứa}$

Tại trại chăn nuôi áp dụng công nghệ chăn nuôi trại lạnh với hệ thống thu gom phân hoàn toàn tự động nên chất thải được thu gom được triệt để. Chất thải sau khi thu gom được chuyển đến máy xử lý phân ngay trong ngày bằng băng tải. Tại trại chăn nuôi sử dụng 1 máy xử lý phân gà có công suất xử lý là 5-6 tấn phân tươi/ngày. Lượng phân gà sau xử lý là 4,0- 4,5 tấn/ngày và được chứa tại các nhà lưu chứa phân. Phân gà sau xử lý được bán cho các hộ dân, đơn vị có nhu cầu sử dụng làm phân bón cho cây trồng.

+ Phân thu gom được cho vào bao (tận dụng bao chứa thức ăn) để hạn chế phát tán mùi, mầm bệnh ra bên ngoài trong quá trình thu gom và vận chuyển.

+ Toàn bộ khu vực chuồng trại sẽ được vệ sinh và khử trùng sau mỗi đợt thu gom phân.

+ Quá trình vận chuyển phân được dùng bạt phủ kín thùng xe, tránh gây rơi vãi dọc đường.

– Trấu sau mỗi lứa nuôi: Căn cứ theo nhu cầu trấu lót sử dụng tại trang trại thì khối lượng trấu thải là 90,96 tấn/đợt nuôi (lượng trấu thải đầu ra bằng 100% lượng trấu thải đầu vào sử dụng làm đệm lót). Được công nhân thu gom, đảo trộn và phun chế phẩm sinh học EM thường xuyên để hạn chế mùi; đồng thời trong suốt quá trình chăn nuôi, sử dụng chế phẩm EM vừa để hạn chế mùi vừa có tác dụng giúp quá trình phân hủy phân gà diễn ra nhanh hơn. Nhờ được phun chế phẩm sinh học và đảo trộn thường xuyên, phân và trấu lót sau mỗi lứa nuôi đã được xử lý trở thành phân gà vi sinh hữu cơ. Sau mỗi đợt xuất bán gà sẽ hợp đồng bán cho đơn vị thu mua đến thu gom tại chuồng, đóng bao loại 25kg, để sử dụng làm phân bón cho cây trồng, sau khi hoàn thành đóng bao sẽ được đơn vị thu mua vận chuyển đi, không để tồn đọng tại trại.

Trường hợp chưa xuất bán kịp, chủ trang trại thu gom đưa về nhà sấy, chứa phân gà với diện tích 480m^2 có mái che, lưu chứa tối đa trong vòng 3 ngày và phun chế phẩm EM hạn chế mùi hằng ngày, sau đó xuất bán cho các đơn vị có nhu cầu. Không để ứ đọng lâu ngày để phát sinh mùi hôi đến môi trường xung quanh

Tần suất thu gom: 1 lứa/lần.

– Bao bì thức ăn chăn nuôi

Theo nhu cầu thức ăn của trang trại khoảng 3.024 tấn/lứa. Trọng lượng mỗi bao thức ăn khoảng 25kg/bao, như vậy trong suốt quá trình chăn nuôi trang trại cần khoảng 120.960 bao thức ăn, khối lượng riêng của bao thức ăn rỗng là 10g/bao, như vậy tổng khối lượng bao bì đựng thức ăn ước tính: $120.960 \text{ bao} \times 10\text{g/bao} = 1.209,6 \text{ kg/lứa}$ (tương đương 2,88 kg/ngày) tương đương 1,21 tấn/lứa.

Toàn bộ bao bì đựng thức ăn phát sinh hằng ngày sẽ được thu gom toàn bộ và lưu chứa trong kho của trại nuôi và được tái sử dụng để chứa phân gà trong các đợt thu gom.

Tần suất thu gom: 1 ngày/lần

– Xác gà chết do giẫm đạp (không phải do dịch bệnh):

Loại hình chăn nuôi của trại là gà đẻ trứng nên lượng gia cầm chết tự nhiên, không do dịch bệnh rất ít: tỷ lệ chết không vượt quá 0,5% cho 1 lứa nuôi tương đương 400 con/lứa nuôi tương

đương 9 con/ngày, trung bình 1 con gà chết nặng 1,5 kg. Dự kiến khối lượng gà chết khoảng 13,5 kg/ngày tương đương 5.670 kg/lứa tương đương 5,67 tấn/lứa, được thu gom hàng ngày và xử lý tại lò tiêu hủy xác gà chết.

Bảng 3. 6 Khối lượng chất thải rắn chăn nuôi không nguy hại từ hoạt động của Trang trại

TT	Loại chất thải rắn	Trạng thái	Khối lượng chất thải	Mã chất thải
1	Trứng gà bể, hư	Rắn	2 tấn/lứa	14 01 12
2	Phân gà và vỏ trấu lót chuồng	Rắn	2.283 tấn/lứa	14 01 12
3	Bao bì đựng thức ăn	Rắn	1,21 tấn/lứa	18 01 06
4	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (Gà chết không do dịch bệnh)	Rắn	5,67 tấn/lứa	13 02 04
TỔNG			2.292 tấn/lứa	

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Thành phần chất thải nguy hại bao gồm: bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải, Chất thải có chứa các tác nhân gây nhiễm (kim tiêm), pin ắc quy chì thải, Chất lây nhiễm (gồm cả chất thải sắc nhọn, kim tiêm), gia cầm chết (do dịch bệnh)... cụ thể:

Bảng 3. 7 Khối lượng các loại CTNH phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của Trang trại

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính	Rắn	16 01 06	2
2	Chất thải có chứa các tác nhân gây nhiễm (kim tiêm)	Rắn	13 02 01	20
3	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12	4
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	10
5	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra là CTNH thải (chai lọ đựng thuốc thú y thải)	Rắn	18 01 03	50
6	Xác gà chết do dịch bệnh	Rắn	14 02 01	Không xác định
	Tổng cộng			86

- *Hình thức lưu trữ:* Chất thải nguy hại được chủ trang trại thu gom, phân loại theo chủng loại trong các thùng chứa loại, dán nhãn cảnh báo, dán nhãn thông báo lưu chứa trong các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy trước khi được đưa vào kho chứa và lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ có diện tích 6m², đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên CTNH, mã CTNH theo danh mục CTNH.
- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra.
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009.
- Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản.

- *Thiết bị lưu chứa:*

Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

- *Tần suất thu gom:* 01 ngày/lần

- *Tần suất chuyển giao:* 01 năm/lần

- *Biện pháp xử lý:*

+ Các loại chất thải nguy hại như: Bao bì đựng thuốc sát trùng; chai, lọ vắc xin; ... được Công ty cung cấp thuốc thú y tiến hành thu gom và trả về Công ty ngay sau khi sử dụng xong.

+ Các loại chất thải nguy hại khác: Bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu mỡ,... chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại để xử lý.

- *Công tác quản lý chất thải nguy hại:*

+ Sử dụng chứng từ bàn giao chất thải nguy hại trong mỗi lần thực hiện chuyển giao chất thải nguy hại theo phụ lục hướng dẫn của Thông tư số 02:2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

+ Lưu trữ với thời hạn 05 năm tất cả các chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại đã sử dụng và báo cáo tình hình quản lý chất thải nguy hại định kỳ hằng năm kèm theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm của Công ty.

+ Hằng năm lập Báo cáo tình hình quản lý chất thải nguy hại tích hợp cùng báo cáo công tác bảo vệ môi trường và nộp lên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo đúng quy định (1 năm/lần).

+ Công ty cam kết thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

❖ **Đối với gà chết do dịch bệnh:**

Khi phát hiện dịch bệnh, chủ trại chăn nuôi áp dụng các biện pháp sau để khắc phục:

- Báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thú y cấp huyện và tỉnh. Các cơ quan này xuống lấy mẫu xét nghiệm để tìm ra nguyên nhân gây bệnh và đưa ra các biện pháp tiêu hủy, phòng dịch bệnh thích hợp.

- Cách ly gà bệnh ra để theo dõi, tổng sát trùng nhằm giảm thiểu bệnh lây lan. Tiêm ngừa phòng bệnh cho các gà còn lại nhốt chung trại với gà bệnh (sau khi đã cách ly gà bệnh).

- Bố trí khu vực đất dự phòng chôn lấp diện tích 25 m² ở phía sau chuồng nuôi để dự phòng chôn gà chết do dịch bệnh, phòng trừ trường hợp tiêu hủy hàng loạt do dịch bệnh gây ra. Việc chôn lấp đảm bảo đúng quy định QCVN 01-41:2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

5. Công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

5.1. Các biện pháp kỹ thuật âm học

Biện pháp kỹ thuật âm học có thể xem là biện pháp nhằm tạo được môi trường âm thanh tiện nghi, môi trường làm việc có mức ồn đạt quy chuẩn, quy định. Các giải pháp kỹ thuật âm học cụ thể thường được áp dụng như sau:

- Thao tác bốc dỡ, vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm nhẹ nhàng.
- Thường xuyên bảo quản, sửa chữa kịp thời các máy móc, thiết bị theo định kỳ.
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.
- Các phương tiện vận tải ra vào trại nuôi phải giảm tốc độ
- Hạn chế bóp còi khi xe lưu thông trong khu vực trại
- Trồng cây xanh xung quanh trong khu vực trại nuôi, cây xanh ngoài chức năng tạo cảnh quan đẹp cho khu vực vừa có chức năng hút âm.

5.2. Đối với ô nhiễm tiếng ồn do máy phát điện dự phòng

Để hạn chế mức độ ồn gây ra bởi máy phát điện khi vận hành máy, chủ trang trại sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Gắn đế cao su và lò xo giảm chấn tại chân máy phát điện
- Sử dụng vỏ cách âm cho máy phát điện và khí thải được phát tán ra ngoài môi trường thông qua ống khói cao
- Nền đế máy phát điện được xây dựng bằng xi măng mác cao, đào các rãnh xung quanh có đổ cát để ngăn cản độ rung trên sàn nhà.
- Trong quá trình vận hành thường xuyên kiểm tra máy móc, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

5.3. Đối với ô nhiễm tiếng ồn do gà kêu

Quá trình cho gà ăn, uống được thực hiện bằng hệ thống tự động hoặc bán tự động nên nhu cầu thức ăn, nước uống cho gà được cung cấp đầy đủ, gà nuôi không bị đói nên hạn chế đáng kể tiếng kêu phát sinh.

Trồng cây xanh xung quanh khu vực trại nuôi, làm tăng cảnh quan khu vực đồng thời giảm ảnh hưởng của tiếng ồn đến môi trường xung quanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.

6.1. Biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố dịch bệnh

Phòng chống dịch bệnh cho Trại chăn nuôi là công việc rất quan trọng, là quan tâm hàng đầu nhằm chủ động ngăn chặn và tiêu diệt các mầm bệnh phát sinh. Vì vậy, trại nuôi có kế hoạch phòng chống dịch bệnh như sau:

6.1.1. Yêu cầu về sát trùng

Trại nuôi, hệ thống công rãnh, khu vực kho chứa thức ăn, dụng cụ chăn nuôi được vệ sinh đảm bảo sát trùng triệt để theo quy định của thú y.

Trại nuôi, nhà kho sau khi được vệ sinh sát trùng được để khô, sau đó mới cho thức ăn vào.

Cổng ra vào được đóng kín và có hố sát trùng.

Hố sát trùng cho xe vận chuyển ra vào trại.

Trước lúc vào làm việc thay quần áo, giày dép đã sát trùng và rửa tay bằng dung dịch sát trùng.

Quần áo bảo hộ lao động được giặt sạch và sát trùng sau khi sử dụng.

6.1.2. Vệ sinh phòng bệnh

Trại nuôi có vành đai cách ly bên ngoài: Chủ trang trại sẽ tiến hành xây dựng hàng rào bao quanh kín toàn bộ khu vực trại chăn nuôi và không cho các loại gia cầm, gia súc bên ngoài xâm nhập vào trại nuôi.

Các động vật cư trú truyền dịch bệnh cho đàn gà như chuột, chồn, côn trùng, chim tự nhiên,... được tiêu diệt theo hướng dẫn của thú y.

Thức ăn cho gà sạch, không bị vón cục.

Khi nghi ngờ gà bị ngộ độc thì ngừng cho ăn và báo cáo cán bộ thú y biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

Sau khi chuyển gà ra khỏi dãy trại nuôi hoặc bán đều vệ sinh trại sạch sẽ, để trống trại ít nhất 2 tuần mới thả gà đọt mới để nuôi tiếp.

6.1.3. Vệ sinh nguồn nước

Nguồn nước dùng nuôi gà đảm bảo đủ số lượng và chất lượng. Các thiết bị chứa nước định kỳ vệ sinh.

Bên cạnh đó, định kỳ kiểm tra chất lượng nước ngầm.

6.1.4. Vệ sinh thức ăn

Kho chứa thức ăn thông thoáng, nhiệt độ, độ ẩm thích hợp, định kỳ sát trùng.

Kho chứa có biện pháp chống mối mọt, chuột, côn trùng phá hoại.

Các thiết bị chứa thức ăn định kỳ sát trùng, tẩy uế, tránh tình trạng tồn trữ thức ăn cũ gây hư mốc.

6.1.5. Vệ sinh nhân lực

Người cũng là phương tiện trung gian truyền bệnh hoặc mang vi trùng. Một số bệnh có thể lây truyền từ người sang gà hoặc từ gà sang người. Vì vậy, định kỳ khám sức khỏe cho công nhân lao động tiếp xúc trực tiếp với đàn gà. Khi công nhân có dấu hiệu nhiễm bệnh, tiến hành đưa công nhân đến ngay trạm y tế gần nhất để thăm khám và chữa bệnh. Sau đó tiến hành phun thuốc tiêu độc khử trùng toàn bộ khu vực trang trại để tránh tình trạng lan truyền dịch bệnh.

Ngoài ra, công nhân được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ trong quá trình chăn nuôi như: quần áo bảo hộ, giày ủng, găng tay,...

6.1.6. Vệ sinh dụng cụ, trang bị

Mỗi dãy trại có những vật dụng như: chổi, xô, xẻng, dụng cụ đựng thức ăn, không sử dụng chung với các dụng cụ khác, những vật dụng này được làm vệ sinh hàng ngày.

Các loại dụng cụ thú y cũng trang bị riêng cho từng khu nuôi, không dùng chung. Trước và sau khi sử dụng, sát trùng kỹ lưỡng. Một số dụng cụ thú y như: dao, kéo,... định kỳ kiểm tra độ sắc bén.

6.1.7. Phát hiện bệnh sớm

Tiến hành theo dõi và khám bệnh cho đàn gà trong trại để phát hiện ngay những con có dấu hiệu bệnh để có kế hoạch điều trị thích hợp. Việc phát hiện bệnh sớm có lợi cho công tác điều trị vì thông thường cứ phát hiện bệnh trễ thì mầm bệnh sẽ sinh sản nhanh, càng phát hiện trễ thì cơ thể gà bệnh càng bị suy nhược, khó điều trị.

Cách ly gà bệnh: khi gà bệnh có biện pháp cách ly gà khỏe mạnh với gà bệnh, có biện pháp tiêu độc tẩy uế kỹ trại gà bệnh. Biện pháp cách ly tích cực giúp hạn chế mầm bệnh lây lan.

Gà và trứng xuất khỏi trại phải có giấy chứng nhận sức khỏe và lịch dùng thuốc.

6.1.8. Điều trị bệnh sớm

Sau khi phát hiện và chuẩn đoán, nhanh chóng điều trị bằng thuốc hữu hiệu ngay từ đầu.

6.1.9. Ứng phó dịch bệnh và khắc phục sự cố, rủi ro

Khi phát hiện gà có biểu hiện lạ và chết trong trại chăn nuôi thì Chủ trang trại sẽ báo cáo ngay tới các cơ quan thú y quản lý ở địa phương hoặc công ty cung cấp giống để kịp thời ứng cứu. Ngoài ra, trại nuôi thực hiện các biện pháp sau:

- Không đưa gà có biểu hiện bệnh, chết và chất thải của con gà ra khỏi trại chăn nuôi
- Đặt các điểm kiểm soát, khử trùng các phương tiện vận chuyển, phương tiện giao thông ra vào trại trong thời gian có biểu hiện lạ.
- Cách ly gà bị bệnh để theo dõi, phun thuốc sát trùng trại nuôi nhằm giảm thiểu dịch bệnh

lây lan. Tiêm ngừa phòng bệnh cho các con gà còn lại.

- Khi gà bị chết hàng loạt, chủ trang trại báo ngay với Chi cục Thú y tỉnh Tây Ninh và các đơn vị khác có liên quan để có biện pháp hỗ trợ tiêu hủy hợp lý.

- Khi trại nuôi phát sinh sự cố như: phát sinh ruồi, muỗi, công nhân lập tức tiến hành dọn dẹp, vệ sinh, sát trùng trại. Đồng thời tiến hành rà soát quy trình chăn nuôi trong toàn trại nuôi để tránh phát sinh sự cố tiếp theo.

6.2. Biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ

Để phòng chống các sự cố có thể xảy ra, chủ trang trại sẽ xây dựng phương án phòng chống sự cố như sau:

- Hệ thống điện được bố trí và lắp đặt theo tiêu chuẩn an toàn về điện.
- Huấn luyện cho toàn thể công nhân các biện pháp PCCC.
- Trang bị thiết bị PCCC.
- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho những công nhân làm việc.
- Khu vực lưu trữ các chất dễ cháy được bố trí riêng.
- Không vứt tàn thuốc bừa bãi, bố trí khu vực hút thuốc riêng biệt cho công nhân giờ giải lao.

- Hạn chế lưu trữ các loại nhiên liệu dễ bốc cháy. Trường hợp phải lưu trữ các loại dung môi và nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.

- Tiến hành các biện pháp vệ sinh công nghiệp chặt chẽ trong các chuồng nuôi
- Ban hành các nội quy và treo bảng an toàn nổ, cấm lửa, trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại công trường và nơi lưu trữ nhiên liệu

6.4. Phòng chống sự cố hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải

6.4.1. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

6.4.2. Đối với hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải

- Đối với sự cố hệ thống xử lý bụi, mùi hôi
 - + Chủ trang trại bố trí nhân viên thường xuyên kiểm tra việc vận hành của hệ thống quạt hút sau các chuồng nuôi.
 - + Nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý.
 - + Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản, hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

+ Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp: phải lập tức báo cáo cấp trên khi có sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố.

+ Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.

+ Định kỳ quan trắc môi trường để đánh giá hiệu quả của công trình bảo vệ môi trường

- Đối với sự cố hệ thống xử lý nước thải:

+ Đối với bể tự hoại: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

• Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.

• Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

• Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu

- Đối với công trình xử lý nước thải chăn nuôi:

+ Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

+ Lắp đặt thiết bị dự phòng để vận hành khi có hư hỏng thiết bị

+ Công nhân viên hành được tập huấn, đảm bảo khả năng vận hành trước khi giao vận hành hệ thống xử lý nước thải.

+ Lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

+ Cơ sở sẽ thường xuyên kiểm tra, theo dõi để kịp thời phong ngừa và ứng phó sự cố về hệ thống xử lý nước thải tại trang trại

6.4.3. Phòng chống sự cố đối với khu chứa chất thải

Ký hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Gà chết trong quá trình chăn nuôi phải được thu gom, xử lý tại lò tiêu hủy gà chết.

Xây dựng khu lưu giữ chất thải nguy hại có mái che, để phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.

Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: Chủ trang trại sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Trang trại đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

6.4.4. Biện pháp khắc phục sự cố hệ thống làm mát, hệ thống thông gió (quạt hút) không hoạt động

- Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống làm mát để phòng ngừa sự cố xảy ra.
- Trang bị máy bơm nước dự phòng máy bơm nước gặp sự cố làm ảnh hưởng tới hệ thống làm mát của trang trại.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không có.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Trại chăn nuôi đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 19/02/2016, với quy mô 68.000 trứng/ngày. Trong quá trình triển khai thực hiện trại, chủ đầu tư có sự điều chỉnh một số nội dung để phù hợp với quy trình chăn nuôi thực tế của trại.

Trong quá trình hoạt động, trang trại có một số nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

Bảng 3. 8 Các nội dung điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt

STT	Tên công trình	Phương án đề xuất theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	Phương án điều chỉnh, thay đổi thực tế	Lý do điều chỉnh
I	Hạng mục công trình chăn nuôi chính			
1.	Diện tích công trình chăn nuôi chính: Chuồng nuôi gà	04 dãy chuồng nuôi gà: (diện tích $5.600 \text{ m}^2 = 1.400 \text{ m}^2 \times 04$ dãy chuồng nuôi)	04 dãy chuồng nuôi gà: (diện tích $6.997,6 \text{ m}^2 = 1.749,4 \text{ m}^2 \times 04$ dãy chuồng nuôi)	Đảm bảo mật độ chăn nuôi phù hợp với sự phát triển của gà.
II	Hạng mục công trình phụ			
2.	Diện tích kho cám gà	250 m^2	120 m^2	Diện tích kho giảm 120 m^2 đã đảm bảo chứa cám gà của trại.
3.	Diện tích nhà sát trùng người	0	6 m^2	Bổ sung xây dựng nhà sát trùng người nhằm đảm bảo chất lượng cho các hoạt động chăn nuôi
4.	Diện tích (m^2) nhà ở công nhân	60 m^2	56 m^2	Diện tích giảm đã đảm bảo chất lượng cho các hoạt động công nhân viên.
5.	Kho chứa thuốc thú y	-	16 m^2	Bổ sung xây dựng kho thuốc nhằm đảm bảo lưu chứa thuốc cho các hoạt động chăn nuôi gà.
6.	Kho vật tư, thiết bị	-	20 m^2	Bổ sung xây dựng kho vật tư, thiết bị nhằm

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên công trình	Phương án đề xuất theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	Phương án điều chỉnh, thay đổi thực tế	Lý do điều chỉnh
				đảm bảo lưu chứa thiết bị vật tư cho các hoạt động chăn nuôi gà.
7.	Kho giấy đựng trứng	-	20 m ²	Bổ sung diện tích kho giấy nhằm đảm bảo chất lượng cho các hoạt động chăn nuôi
8.	Bể chứa nước sạch gà uống	-	12,5 m ²	Bổ sung diện tích xây dựng bể chứa nước nhằm đảm bảo chất lượng cho các hoạt động gà uống
III	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường			
9.	Diện tích (m ²) khu xử lý nước thải	50 m ²	1.240 m ²	Diện tích khu xử lý nước thải tăng do bổ sung các hạng mục hầm biogas, mương sinh học
	<i>Diện tích (m²) Hầm Biogas</i>	-	<i>1.010 m²</i>	Diện tích tăng nhằm đảm bảo khả năng lưu chứa và xử lý nước thải
	<i>Diện tích Mương sinh học xử lý nước thải</i>	-	<i>230 m²</i>	Diện tích tăng nhằm đảm bảo khả năng lưu chứa và xử lý nước thải
10.	Diện tích lò đốt xác gà chết (chết không do dịch bệnh)	-	1,2 m ²	Bổ sung xây dựng lò đốt xác gà nhằm đảm bảo công tác bảo vệ môi trường và xử lý hiệu quả đối với loại chất thải này.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên công trình	Phương án đề xuất theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	Phương án điều chỉnh, thay đổi thực tế	Lý do điều chỉnh
11.	Diện tích khu dự phòng xử lý chôn lấp gà chết do dịch bệnh	212 m ²	25 m ²	Diện tích khu giảm 25 m ² đã đảm bảo xử lý chôn lấp gà chết do dịch bệnh.
12.	Diện tích Nhà sấy, chứa phân gà	-	480 m ²	Bổ sung nhằm đảm bảo chứa số lượng phân phát sinh và xử lý phân gà thải ra.
13.	Diện tích Ao chứa nước mưa	-	180 m ²	Bổ sung tăng nhằm đảm bảo khả năng lưu chứa nước mưa phát sinh tại trại
14.	Diện tích Kho chứa chất thải nguy hại	-	6 m ²	Bổ sung xây dựng kho CTNH nhằm đảm bảo khả năng lưu chứa chất thải nguy hại của trại.
15.	Biện pháp xử lý xác gà chết không do dịch bệnh	Nấu chín làm thức ăn cho cá, mèo, chó...	Xác gà chết → Lò đốt xác gà chết (sử dụng dầu DO).	Nhằm đảm bảo công tác bảo vệ môi trường và xử lý hiệu quả đối với loại chất thải này,
16.	Công trình xử lý nước thải chăn nuôi	Nước thải chăn nuôi → Mương thu nước → Hồ sinh học → Mương sinh học → Đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, (K _f = 1,2; K _q = 0,9) và QCVN 01-	Nước thải chăn nuôi từ chuồng nuôi số 01 và chuồng nuôi số 02 → Hàm Biogas số 01 → mương sinh học số 01 → Đạt yêu cầu QCVN 62-MT:2016/BTNMT.	Việc thay đổi công nghệ xử lý nước thải nhằm đảm bảo nước thải phát sinh được xử lý đạt hiệu quả cao nhất.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên công trình	Phương án đề xuất theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	Phương án điều chỉnh, thay đổi thực tế	Lý do điều chỉnh
		15:2010/BNNPTNT → Nguồn tiếp nhận (sông, suối kênh mương khu vực)	Nước thải chăn nuôi từ chuồng nuôi số 03 và chuồng nuôi số 04 → Hầm Biogas số 02 → mương sinh học số 02 → Đạt yêu cầu QCVN 62-MT:2016/BTNMT.	
17.	Nguồn tiếp nhận nước thải	Sông, suối kênh, mương khu vực	Mương sinh học có chống thấm trong khuôn viên trại chăn nuôi, không xả nước thải ra môi trường	
18.	Hệ thống xử lý khí thải sau quạt hút chuồng nuôi	Mùi hôi từ quá trình chăn nuôi được hạn chế bằng cách thường xuyên vệ sinh chuồng trại, khử trùng và trồng cây xung quanh.	Mùi hôi chuồng nuôi → Quạt hút → Buồng thu gom không khí (sử dụng vòi phun sương phun chế phẩm khử mùi EM theo hướng từ trên xuống) → Khí sạch thoát ra môi trường.	Nhằm đảm bảo công tác bảo vệ môi trường và xử lý hiệu quả đối với mùi hôi phát sinh từ các quạt hút sau mỗi dãy chuồng nuôi

Đánh giá tác động đến môi trường từ việc thay đổi nội dung so với quyết định phê duyệt thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

❖ **Đối với các công trình xây dựng:**

Trong quá trình xây dựng do yêu cầu kỹ thuật và bố trí các hạng mục công trình xây dựng cho phù hợp với hiện trạng thực tế tại trang trại nên Chủ trang trại có điều chỉnh diện tích một số hạng mục công trình như: Dãy chuồng nuôi, kho cám, nhà văn phòng, nhà ở công nhân, kho chứa vật tư thiết bị, kho thú ý, kho giấy đựng trứng, kho tập trung trứng gà, hồ sát trùng....Tuy nhiên việc điều chỉnh diện tích các hạng mục công trình xây dựng này không lớn so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và đã được Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu cấp giấy phép xây dựng về việc thay đổi nêu trên theo Giấy phép xây dựng số 47/GPXD ngày 29/12/2015 và Phụ lục kèm theo.

❖ **Đối với công trình xử lý nước thải:**

Do lưu lượng nước thải hằng ngày phát sinh tại trang trại tương đối ít, chỉ tập trung vào cuối mỗi lứa nuôi nên nước thải chăn nuôi sau xử lý qua các hầm Biogas sau đó tự chảy về mương sinh học có lót bạt HDPE chống thấm, không xả nước thải ra nguồn tiếp nhận. Do vậy chủ trang trại đã xây dựng bổ sung thêm 02 Biogas diện tích 1.010 m².

Bảng 3. 9: Chi tiết hạng mục trong HTXLNT điều chỉnh so với quyết định phê duyệt DTM.

Stt	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM			Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện			
	Hạng mục	Số lượng	Kích thước - Thể tích	Hạng mục	Số lượng	Kích thước - Thể tích	Vật liệu
1	Mương thu nước dọc chuồng nuôi					D x R x H = 30 cm x 20 cm x 20 cm	Bê tông
2	Mương sinh học xử lý nước thải	01	D x R x H = 2 x 1 x 0,5 m = 1m ³	Mương sinh học xử lý nước thải	02	Mương 1: D x R x H = 15m x 12m x 3m = 540 m ³ Mương 2: D x R x H = 10m x 5m x 3m = 150 m ³	Lót bạt HDPE chống thấm, bố trí vật liệu lọc, trên bề mặt có trồng cây
3	Hầm biogas	-	-	Hầm biogas	02	Hầm 1: D x R x H = 50m x 15 x 3 m = 2.250 m ³	Vật liệu HDPE, đáy dày 0,5mm, lớp phủ dày

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM				Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện			
Stt	Hạng mục	Số lượng	Kích thước - Thể tích	Hạng mục	Số lượng	Kích thước - Thể tích	Vật liệu
						Hầm 1: D x R x H = 20m x 13 x 3 m = 780 m ³	1,5mm Đào đất, đắp bờ, lu lèn k=90

Hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi của trại vẫn được áp dụng theo công nghệ xử lý nước theo phương án sinh học và nước sau xử lý được chứa tại mương sinh học trong khuôn viên trại chăn nuôi không xả nước thải ra môi trường. Những hạng mục điều chỉnh cụ thể như sau:

1. Bỏ Hồ sinh học thay hầm Biogas, do Hồ sinh học có hiệu quả thấp, thời gian xử lý lâu nên công ty đã thay thế hầm biogas. Thay đổi này giúp tăng thời gian lưu chứa và xử lý nước trong hầm Biogas. **Không có tác động xấu đến môi trường.**

2. Thay đổi kích thước Mương sinh học xử lý nước thải chăn nuôi của trại như sau:

Theo phương án được phê duyệt trang trại sẽ xây dựng 01 mương sinh học với kích thước: 2m x 1m x 0,5m (Thể tích mương sinh học là 1 m³).

Việc điều chỉnh diện tích mương sinh học xử lý nước thải số 01: D x R x H = 15m x 12m x 3m = 540 m³ và bổ sung thêm 01 mương sinh học xử lý nước thải số 02: D x R x H = 10m x 5m x 3m = 150 m³ không làm thay đổi chất lượng nước xử lý của trại, phía Trang trại tính toán cân đối số lượng nước phát sinh và đã lựa chọn điều chỉnh kích thước các mương sinh học lưu chứa nước thải cuối cùng cho phù hợp với diện tích của trại, cũng như nhu cầu chứa nước, đảm bảo chứa toàn bộ lượng nước sau xử lý của trại.

Do đó, việc thay đổi các hạng mục trong quy trình xử lý nước thải chăn nuôi sẽ không làm tăng sự tác động của chất ô nhiễm đến môi trường.

❖ Về lò đốt xác gà

Công ty đầu tư 01 lò đốt xác thay vì nấu chín xác gà chết (không do dịch bệnh) làm thức ăn cho cá, mè, chó... như trong Quyết định phê duyệt ĐTM nhằm đảm bảo yêu cầu trang trại. Việc thay phương án xử lý gà chết không do dịch bệnh bằng lò đốt xác gà sẽ làm tăng thêm một nguồn khí thải phát sinh từ lò đốt xác nhưng có hiệu quả cao trong việc xử lý chất thải rắn. Tuy nhiên, việc sử dụng lò là không thường xuyên (chỉ sử dụng khi có gà chết). Do đó, sẽ không gây ảnh hưởng nhiều đến môi trường không khí tại trại.

❖ Về kho chứa CTNH

Công ty đầu tư xây dựng kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 6 m² thay vì kho chứa chất thải nguy hại như theo Quyết định phê duyệt ĐTM nhằm đảm bảo lưu chứa chất thải nguy hại của Trại và giảm diện tích, giảm chi phí đầu tư. Do đó, sẽ không ảnh hưởng đến môi trường.

❖ Về nhà sấy, chứa phân gà

Chủ trang trại đầu tư nhà xây dựng nhà sấy, chứa phân gà diện tích 480 m² thay vì như trong Quyết định phê duyệt ĐTM không có nhà sấy, chứa phân gà. Chủ trang trại trang bị nhà sấy, chứa phân gà để đặt máy xử lý phân gà và lưu chứa tạm phân gà sau xử lý thay đổi này sẽ không gây ảnh hưởng đến môi trường tại trại chăn nuôi.

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

Không có

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Trại không thuộc đối tượng phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1 Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên, lưu lượng 1,5 m³/ngày;
- Nguồn số 02: Nước thải vệ sinh chuồng nuôi sau mỗi lứa nuôi (04 chuồng nuôi), lưu lượng 1,0 m³/ngày.đêm/chuồng nuôi;
- Nguồn số 03: Nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi, lưu lượng 1,0 m³/ngày.đêm;

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh tối đa phát sinh trong ngày của trang trại chăn nuôi là: 3,5 m³/ngày đêm.

1.3. Dòng nước thải

- Dòng nước thải số 01: gồm nguồn số 1 được thu gom về bể tự hoại, nước thải sau bể tự hoại thu gom về mương sinh học số 01 để xử lý đạt cột A, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT.

- Dòng nước thải số 02: gồm nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi và nước thải vệ sinh chuồng nuôi số 01 và chuồng nuôi số 02 được thu gom về hầm Biogas số 01. Nước thải sau hầm biogas số 01 theo đường ống nhựa PVC dẫn về mương sinh học số 01 để xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi- QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

- Dòng nước thải số 03: gồm nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi và nước thải vệ sinh chuồng nuôi số 03 và chuồng nuôi số 04 được thu gom về hầm Biogas số 02. Nước thải sau hầm biogas số 02 theo đường ống nhựa PVC dẫn về mương sinh học số 02 để xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi- QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

- Đối với dòng nước thải số 01: Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đối với dòng nước thải số 01 phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Thông số và giá trị giới hạn chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của trại

TT	Tên chất	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	TSS	mg/L	50	
3	TDS		500	

TT	Tên chất	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
4	BOD ₅	mg/L	30	
5	Sunfua	mg/L	1	
6	Amoni	mg/L	5	
7	Nitrat	mg/L	30	
8	Dầu mỡ động vực vật	mg/L	10	
9	Phosphat	mg/L	6	
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000	

- Đối với dòng nước thải số 02 và số 03: Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đối với dòng nước thải số 02, 03 phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT: 2016/BTNMT.

Bảng 4. 2. Thông số và giá trị giới hạn chất ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi của trại

TT	Tên chất	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 62- MT:2016/BTNMT
1	pH	-	6 – 9
2	TSS	mg/L	50
3	COD	mg/L	100
4	BOD ₅	mg/L	40
5	Tổng Nito	mg/L	50
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải:

+ Tại mương sinh học số 1 tọa độ: X = 1252 126; Y = 643 729;

+ Tại mương sinh học số 2 tọa độ: X = 1252 227; Y = 643 710;

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105° 30', múi chiếu 3⁰).

- Phương thức xả nước thải: tự chảy

+ Nguồn số 1 sau xử lý bằng bể tự hoại chảy ra mương sinh học số 1.

+ Nguồn số 2, 3 sau xử lý bằng hầm biogas số 01, 2 chảy ra mương sinh học số 1, 2.

- Chế độ xả thải: liên tục.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được chứa trong hai (02) mương sinh học của trại có chống thấm trong khuôn viên trại chăn nuôi, không xả nước thải ra môi trường.

- Công trình xử lý nước thải ngoài phạm vi cơ sở: không có

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

2.1 Nguồn phát sinh và lưu lượng bụi, khí thải đề nghị cấp phép

– Nguồn số 01 – Chuồng số 01: Khí thải từ 11 quạt hút bên trong dãy chuồng nuôi 1, lưu lượng tối đa là 492.800 m³/h (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút, lưu lượng mỗi quạt hút 44.800 m³/giờ/quạt hút, lưu lượng mỗi quạt hút 44.800 m³/giờ/quạt hút).

– Nguồn số 02 – Chuồng số 02 : Khí thải từ 11 quạt hút bên trong dãy chuồng nuôi 2, lưu lượng tối đa là 492.800 m³/h (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút, lưu lượng mỗi quạt hút 44.800 m³/giờ/quạt hút, lưu lượng mỗi quạt hút 44.800 m³/giờ/quạt hút).

– Nguồn số 03 – Chuồng số 03 : Khí thải từ 11 quạt hút bên trong dãy chuồng nuôi 3, lưu lượng tối đa là 492.800 m³/h (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút, lưu lượng mỗi quạt hút 44.800 m³/giờ/quạt hút, lưu lượng mỗi quạt hút 44.800 m³/giờ/quạt hút).

– Nguồn số 04 – Chuồng số 04 : Khí thải từ 11 quạt hút bên trong dãy chuồng nuôi 4, lưu lượng tối đa là 492.800 m³/h (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút, lưu lượng mỗi quạt hút 44.800 m³/giờ/quạt hút, lưu lượng mỗi quạt hút 44.800 m³/giờ/quạt hút).

– Nguồn số 05: Khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng 01, có công suất 200 KVA, lưu lượng tối đa là 186,75 m³/h. (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện).

– Nguồn số 06: Khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng 02, có công suất 200 KVA, lưu lượng tối đa là 186,75 m³/h. (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện).

Tổng lưu lượng khí thải phát sinh tối đa tại Trang trại là: 1.971.573,5 m³/h, các nguồn phát sinh khí thải Trại đều có biện pháp thu hồi, giảm thiểu trước khi thải ra môi trường.

2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa của các nguồn thải

– Nguồn khí thải từ số 01 đến 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 44.800 m³/giờ/quạt hút.

– Nguồn khí thải từ số 05, 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 186,75 m³/giờ/hệ thống.

2.3. Dòng khí thải

Cơ sở phát sinh 06 nguồn khí thải thoát ra ngoài môi trường, cụ thể:

– Dòng khí thải từ số 01 đến số 04: khí thải từ các trại chăn nuôi xả khí thải ra môi trường thoát ra ngoài môi trường thông qua 44 quạt hút phía sau 04 dãy chuồng nuôi (11 quạt hút/chuồng).

– Dòng khí thải số 05 và số 06: khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu dầu DO để vận hành 02 máy phát điện, mỗi máy có công suất 200 KVA được thu gom thoát ra môi trường thông qua ống khói thoát khí thải.

2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

– Dòng khí thải từ số 01 đến số 04 đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.

Bảng 4. 3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong dòng khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Thời gian trung bình	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	µg/Nm ³	1 giờ	42	02 lần/năm	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	NH ₃	µg/Nm ³	1 giờ	200		
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	24 giờ	200		

– Dòng khí thải số 05, 06 đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số K_q = 1,0 và K_v = 1,0.

Bảng 4. 4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong dòng khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	P ≤ 20.000	Không	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi	mg/Nm ₃	200		
3	SO ₂	mg/Nm ₃	500		
4	NO _x	mg/Nm ₃	850		
5	CO	mg/Nm ₃	1.000		

2.4. Vị trí, phương thức xả khí thải và nguồn tiếp nhận khí thải

Vị trí xả khí thải, bụi:

– Nguồn khí thải số 01: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của dây chuyền nuôi số 1, tọa độ vị trí xả thải X= 1252 312; Y= 0643 879;

– Nguồn khí thải số 02: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của dây chuyền nuôi số 2, tọa độ vị trí xả thải X= 1252 335; Y= 0643 871;

– Nguồn khí thải số 03: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của dây chuyền nuôi số 3, tọa độ vị trí xả thải X= 1252 343; Y= 0643 888;

– Nguồn khí thải số 04: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của dây chuyền nuôi số 4, tọa độ vị trí xả thải X=1252 357; Y= 0643 891;

– Nguồn khí thải số 05: tương ứng khí thải từ máy phát điện dự phòng, tọa độ vị trí xả thải X= 1252 423; Y= 0643 774;

- Nguồn khí thải số 06: tương ứng khí thải từ máy phát điện dự phòng, tọa độ vị trí xả thải X= 1252 415; Y= 0643 764;

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰)

Phương thức xả khí thải, bụi:

- Nguồn khí thải số 01 đến số 04: khí thải, bụi xả cưỡng bức thông qua hệ thống quạt hút (mỗi chuồng có 11 quạt hút) xả liên tục khi hoạt động.
- Nguồn khí thải số 05, số 06: xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi có sự cố mất điện phải vận hành máy phát điện dự phòng.

Chế độ xả thải: gián đoạn

Công trình xử lý khí thải trong và ngoài phạm vi cơ sở: Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của dây chuồng nuôi số 01;
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của dây chuồng nuôi số 02;
- Nguồn số 03: Phát sinh từ hoạt động của dây chuồng nuôi số 03;
- Nguồn số 04: Phát sinh từ hoạt động của dây chuồng nuôi số 04;
- Nguồn số 05: Phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng số 01;
- Nguồn số 06: Phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng số 02;

3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

📌 Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

📌 Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

3.3 Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: tọa độ: X= 1252 312; Y= 0643 879;
- Nguồn số 02: tọa độ: X= 1252 335; Y= 0643 871;

- Nguồn số 03: tọa độ: X= 1252 343; Y= 0643 888;
- Nguồn số 04: tọa độ: X= 1252 357; Y= 0643 891;
- Nguồn số 05: tọa độ: X= 1252 423; Y= 0643 774;
- Nguồn số 06: tọa độ: X= 1252 415; Y= 0643 764;

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^o30' múi chiều 3^o)

4. Nội dung đề nghị về quản lý chất thải rắn

4.1. Chung loại, khối lượng chất thải rắn phát sinh

4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại

Bảng 4. 5. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh đề nghị cấp phép

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính	Rắn	16 01 06	2
2	Chất thải có chứa các tác nhân gây nhiễm (kim tiêm)	Rắn	13 02 01	20
3	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12	4
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	10
5	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra là CTNH thải (chai lọ đựng thuốc thú y thải)	Rắn	18 01 03	50
6	Gà chết (do dịch bệnh)	Rắn	14 02 01	Không xác định
7	Tổng cộng			86

4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Bảng 4. 6. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường

TT	Loại chất thải rắn	Trạng thái	Khối lượng chất thải	Mã chất thải
1.	Trứng gà bể, hư	Rắn	2 tấn/lứa	14 01 12
2.	Phân gà và vỏ trấu lót chuồng	Rắn	2.283 tấn/lứa	14 01 12
3.	Bao bì đựng thức ăn	Rắn	1,21 tấn/lứa	18 01 06

TT	Loại chất thải rắn	Trạng thái	Khối lượng chất thải	Mã chất thải
4.	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (<i>Gà chết không do dịch bệnh</i>)	Rắn	5,67 tấn/lứa	13 02 04
TỔNG			2.292 tấn/lứa	

4.1.3. *Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh*

Bảng 4. 7. *Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh*

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên	3

4.2 Lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

4.2.1. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt*

- *Thiết bị lưu chứa:*

+ Thùng rác dung tích 60 lít.

+ Số lượng: 6 thùng.

+ Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE, có nắp đậy kín.

- *Khu vực lưu chứa:* bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

- *Biện pháp xử lý:* Thu gom phân loại và chứa trong các thùng rác có nắp đậy. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- *Tần suất thu gom:* 3 ngày/lần.

4.2.2. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường (không nguy hại)*

a) *Thiết bị lưu chứa:*

- Phân gà và trấu được ủ tại chỗ trong chuồng nuôi. Sau khi xuất gà sẽ được thu gom, đóng bao loại 50 kg và bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng làm phân bón.

- Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi được thu gom lưu giữ tạm thời trong kho chứa chất thải phân gà, tận dụng dùng để chứa phân gà lẫn trấu sau mỗi lứa nuôi hoặc bán cho đơn vị có nhu cầu. Các loại phế liệu được lưu trong khu vực chứa và bán cho đơn vị có nhu cầu.

- Đối với gà chết không do dịch bệnh được công nhân tại trại chăn nuôi thu gom hàng ngày và xử lý tại lò đốt xác gà chết có diện tích 1,2m².

b) *Khu vực lưu chứa*

- Trại bố trí nhà sấy và chứa phân gà có diện tích 480m², có nền bê tông chống thấm, mái che mưa, thùng chứa kín đảm bảo không rò rỉ nước ra bên ngoài, có vách ngăn, cửa ra vào, có dán biển cảnh báo trước cửa kho.

- Phân gà:

Đối với phân gà phát sinh hàng ngày được thu gom bằng hệ thống hoàn toàn tự động, phân gà sau khi thu gom được chuyển đến máy xử lý phân trong ngày bằng băng tải và phân sau khi xử lý được chứa tại nhà sấy, chứa phân gà. Phân gà sau xử lý được bán cho các đơn vị có nhu cầu làm phân bón.

Đối với phân gà và trấu sau khi xuất gà, được ủ tại chỗ trong chuồng nuôi, chủ trại thu gom sạch sẽ, đóng bao loại 25 kg bán cho các đơn vị có nhu cầu làm phân bón. Trường hợp chưa xuất bán kịp, phân gà và trấu được lưu chứa tạm trong nhà sấy và chứa phân gà, lưu chứa tối đa trong vòng 3 ngày và phun chế phẩm EM hạn chế mùi hằng ngày, sau đó xuất bán cho các đơn vị có nhu cầu. Không để ứ đọng lâu ngày để phát sinh mùi hôi đến môi trường xung quanh.

- Các loại bao bì đựng thức ăn chăn nuôi, rác tái chế được đưa về khu vực tập kết phân loại bán cho đơn vị thu mua phế liệu tại địa phương; bao đựng thức ăn được tái sử dụng cho đựng phân gà tại trang trại.

- Gà chết không do dịch bệnh được thu gom đem đốt bằng lò đốt xác gà, kích thước 1,2m x 1,0m x 0,5 m, đảm bảo an toàn sinh học.

c) Tần suất thu gom:

- Phân gà và trấu: 1 lần sau mỗi lứa nuôi.

- Các loại bao bì đựng thức ăn chăn nuôi, rác tái chế: 3 ngày/lần

- Gà chết không do dịch bệnh: 1 ngày/lần.

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa

Thiết bị lưu giữ phải có vỏ chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với CTNH chứa bên trong, kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009, với kích thước ít nhất 30 cm mỗi chiều, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

Bao bì lưu giữ sẽ được dán nhãn rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu. Nhãn bao gồm các thông tin sau: tên và mã chất thải nguy hại, ngày bắt đầu được đóng gói, dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009, với kích thước 5 cm mỗi ngày.

b) Khu vực lưu chứa trong nhà

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 6 m² được xây dựng tường gạch, nền xi măng có mái che, có cửa khóa, có phân ô hoặc bộ phận riêng cho từng loại CTNH hoặc nhóm CTNH có cùng tính chất để cách ly với các loại hoặc nhóm khác, tránh khả năng gây phản ứng hóa học với nhau bằng vách không cháy cao hơn chiều cao xếp CTNH. Trước cửa có biển cảnh báo “Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại”.

Trong từng ô hoặc bộ phận riêng có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707 – 2009 về chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo phòng

ngừa với kích thước ít nhất 30cm mỗi chiều, vật liệu, mực của dấu hiệu và các dòng chữ không bị mờ hoặc phai màu.

c) *Tần suất thu gom*: 01 năm/lần, đơn vị có chức năng thu gom chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh hoặc vùng lân cận sẽ đến mang đi xử lý đúng quy định.

5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

Cơ sở không nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất nên không xin cấp phép đối với phần này.

CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ trong năm 2022 và năm 2023 của Trại chăn nuôi gà đẻ trứng, quy mô 68.000 trứng/ngày của Công ty TNHH MTV TM & SX Chăn nuôi Trung Dũng như sau:

1.1. Thời gian, vị trí lấy mẫu

- Thời gian quan trắc:
 - + Năm 2022 (đợt 1: ngày 22/4/2022 và đợt 2: ngày 12/12/2022).
 - + Năm 2023 (đợt 1: ngày 15/6/2023 và đợt 2: ngày 04/12/2023).
- Vị trí lấy mẫu: Mương sinh học trong khuôn viên trại
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 1 mẫu
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (QCVN): QCVN 62-MT:2016/BTNMT
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh.

1.2. Kết quả đo đạc, phân tích

- Kết quả đo đạc, phân tích năm 2022:

Bảng 5. 1: Kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ năm 2022

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả		QCVN 62-MT:2016/ BTNMT	
			Đợt 1 (22/4/2022)	Đợt 2 (12/12/2022)	CỘT A	CỘT B
1	pH	--	7,71	7,43	6-9	5,5 – 9
2	TSS	mg/L	42	47	50	100
3	BOD ₅	mg/L	36	52	40	300
4	COD	mg/L	70	104	70	150
5	Tổng Nito	mg/L	11,5	31,8	50	150
6	<i>Coliforms</i>	MPN/100mL	2.700	4.100	3000	5.000

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh, 2022

- Kết quả đo đạc, phân tích năm 2023:

Bảng 5. 2: Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2023

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả		QCVN 62-MT:2016/ BTNMT	
			Đợt 1 (15/6/2023)	Đợt 2 (04/12/2023)	CỘT A	CỘT B
1	pH	--	7,27	7,53	6-9	5,5 – 9
2	TSS	mg/L	49	45	50	100
3	BOD ₅	mg/L	56	51	40	300
4	COD	mg/L	113	107	70	150
5	Tổng Nito	mg/L	44,5	40,8	50	150
6	Coliforms	MPN/100mL	3.900	3.500	3000	5.000

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh, 2023

1.3. Đánh giá kết quả mẫu:

Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số nước thải như: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng Nito, Tổng Coliform đều nằm trong giới hạn cho phép cột B so với QCVN 62-MT:2016/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi.

Nước qua hệ thống xử lý được lưu chứa tại mương sinh học và tự bốc hơi, không thải ra ngoài môi trường.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

- Đối với công trình buồng xử lý khí thải sau dãy chuồng nuôi: Căn cứ theo Điểm c, Khoản 1, Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, quy định: *Công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm gồm: “c) Hệ thống thoát bụi, khí thải đối với các trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải, bao gồm cả hệ thống kiểm soát khí thải lò hơi sử dụng nhiên liệu là khí gas, dầu DO; hệ thống xử lý khí thải lò hỏa táng”.*

- Đối với công trình xử lý nước thải: Căn cứ theo Điểm d, Khoản 1, Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, quy định: *Công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm gồm: “d) Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả bể tự hoại, bể tách mỡ nước thải nhà ăn và các công trình, thiết bị hợp khối đáp ứng yêu cầu theo quy định)”.*

Như vậy, công trình xử lý khí thải và nước thải của Trang trại không bắt buộc phải vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

1.3.1. Quan trắc bụi, khí thải:

- Vị trí: 01 điểm phía sau chuồng nuôi (sau buồng thu gom xử lý mùi).
- Tần suất: 02 lần/năm.
- Thông số giám sát: H₂S, NH₃, Tổng bụi lơ lửng (TSP).
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

1.3.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Kiểm kê kho chứa chất thải tập trung của Trang trại: khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải
- Tần suất giám sát: Thường xuyên, liên tục
- Quy định áp dụng: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và các quy định về môi trường có liên quan khác.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

- Dự án “Trại chăn nuôi gà đẻ trứng” không thuộc nhóm các dự án phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

- Không có hoạt động quan trắc nào khác

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Bảng 6. 1: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

STT	Thông số	Vị trí	Tần suất năm/lần	Kinh phí thực hiện (VNĐ)	Tổ chức, quản lý và vận hành
I	Thành phần môi trường khí thải				
1	H ₂ S, NH ₃ , Tổng bụi lơ lửng (TSP)	Sau buồng thu gom xử lý mùi phía sau quạt hút chuồng nuôi	02 lần/năm.	6.000.000	Chủ đầu tư
II	Giám sát chất thải rắn				
1	Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại	Hệ thống, công trình thu gom, xử lý	Thường xuyên	10.000.000	Chủ đầu tư
Tổng cộng				16.000.000	

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong năm 2022 và năm 2023, Trại chăn nuôi gà đẻ trứng không có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Trong các quá trình hoạt động của mình, trang trại sẽ gây ra một số ô nhiễm môi trường, tuy nhiên theo phân tích ở trên thì khả năng ô nhiễm này không đáng kể và có thể khắc phục được. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, mối quan hệ nhân quả giữa phát triển sản xuất và giữ gìn trong sạch môi trường sống, Công ty sẽ có nhiều cố gắng trong nghiên cứu và thực hiện các bước yêu cầu của công tác bảo vệ môi trường.

Trong quá trình hoạt động, Công ty cam kết:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đã nêu ở báo cáo này, đảm bảo các nguồn thải (khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại,...) phát sinh do hoạt động của Trang trại đều nằm trong giới hạn cho phép của các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Việt Nam như:

+ Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Độ ồn: Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình hoạt động của Trang trại đạt Quy chuẩn giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư (theo mức âm tương đương, QCVN 26:2010/BTNMT).

+ QCVN 01-15:2010/BNNPTNT, ngày 15/01/2010 – Quy chuẩn quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gà an toàn sinh học.

+ QCVN 01 – 41:2011/BNNPTNT ngày 06/5/2011 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

+ Nước thải chăn nuôi đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

+ Nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14-2008/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường sẽ được quản lý chặt chẽ, thu gom và hợp đồng xử lý triệt để. Đối với các loại chất thải nguy hại đảm bảo thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo đúng Quy chế quản lý chất thải nguy hại của Chính phủ.

- Thực hiện nghiêm túc những nội dung chủ đầu tư đã cam kết với Chính quyền địa phương nơi thực hiện trang trại.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc môi trường hàng năm.

- Trường hợp các sự cố môi trường, rủi ro môi trường xảy ra trong quá trình triển khai trang trại, chủ đầu tư cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường.

- Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã được phê duyệt của Trang trại.

Chủ Trang trại cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

PHỤ LỤC 2: CÁC BẢN VẼ THIẾT KẾ